|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH**  Số: 2850/QĐ-BTC | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2015* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính**

**về hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng**

**khoán Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính**

# 

# BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 06 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 09 thủ tục hành chính về hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính, bao gồm:

* 02 thủ tục hành chính mới ban hành (*Phụ lục kèm theo)*;
* 06 thủ tục hành chính thay thế thủ tục hành chính đã ban hành tại Quyết định số 1218/QĐ-BTC ngày 27 tháng 05 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực chứng khoán thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính (*Phụ lục kèm theo);*
* 01 thủ tục hành chính bãi bỏ (*Phụ lục kèm theo).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2015.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Cục Kiểm soát TTHC - Bộ Tư pháp;  - Website Bộ Tài chính;  - Lưu: VT, UBCK, 25. | KT. BỘ TRƯỞNGTHỨ TRƯỞNG (Đã ký)  **Trần Xuân Hà** |

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH HOẶC THAY THẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2850/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

1. **Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Lĩnh vực** | **Cơ quan thực hiện** |
| **Thủ tục hành chính cấp trung ương** | | | |
| 1 | Báo cáo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng | Chứng khoán | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| 2 | Đề nghị chấp thuận cho tổ chức nước ngoài được sở hữu từ 51% trở lên vốn điều lệ tại tổ chức kinh doanh chứng khoán | Chứng khoán | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |

1. **Danh mục thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** | **Tên VPQPPL quy định nội dung thay thế** | **Lĩnh vực** | **Cơ quan thực hiện** |
| **Thủ tục hành chính cấp Trung ương** | | | | | |
| 1 | B-BTC-236638-TT | Đăng ký mã số giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư nước ngoài | Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam | Chứng khoán | Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam |
| 2 | B-BTC-044199-TT | Báo cáo thay đổi người đại diện giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài | Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam | Chứng khoán | Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam |
| 3 | B-BTC-236648-TT | Báo cáo chuyển danh mục đầu tư giữa các tài khoản lưu ký của nhà đầu tư nước ngoài | Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam | Chứng khoán | Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam |
| 4 | B-BTC-236650-TT | Báo cáo thay đổi ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp của nhà đầu tư nước ngoài | Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam | Chứng khoán | Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam |
| 5 | B-BTC-236652-TT | Báo cáo thay đổi tên nhà đầu tư nước ngoài | Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam | Chứng khoán | Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam |
| 6 | B-BTC-236653-TT | Báo cáo thay đổi liên quan đến việc nhận diện nhà đầu tư nước ngoài | Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam | Chứng khoán | Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam |

**3. Danh mục thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** | **Tên VPQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính** | **Lĩnh vực** | **Cơ quan thực hiện** |
| **Thủ tục hành chính cấp Trung ương** | | | | | |
| 1 | B-BTC-236642-TT | Đăng ký mã số giao dịch chứng khoán cho danh mục nhà đầu tư nước ngoài | Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam | Chứng khoán | Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam |

**PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

**A. Thủ tục hành chính cấp trung ương**

**I. Lĩnh vực chứng khoán**

**1. Thủ tục *Báo cáo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng***

**- Trình tự thực hiện:**

**+** Bước 1: Công ty đại chúng nộp hồ sơ báo cáo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng đến Ủy ban chứng khoán nhà nước (UBCKNN);

+ Bước 2: UBCKNN tiếp nhận hồ sơ trong giờ hành chính các ngày làm việc, kiểm tra, thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, UBCKNN gửi công văn từ chối và nêu rõ lý do.

+ Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, UBCKNN xác nhận bằng văn bản về việc nhận đầy đủ hồ sơ báo cáo của công ty.

**- Cách thức thực hiện:**

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở UBCKNN; hoặc

+ Gửi qua đường bưu điện.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

(i) Giấy thông báo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục 16 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC;

(ii) Bản sao hợp lệ Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh / Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

(iii) Trường hợp công ty là công ty đại chúng không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP, bổ sung hồ sơ:

* Trích dẫn địa chỉ và thông tin đăng tải trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tài liệu hợp lệ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác minh công ty hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
* Biên bản họp và nghị quyết của hội đồng quản trị về việc không hạn chế sở hữu nước ngoài; hoặc
* Biên bản họp, nghị quyết đại hội đồng cổ đông về việc hạn chế sở hữu nước ngoài và Điều lệ công ty có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa;

(iv) Trường hợp là công ty đại chúng bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP, bổ sung hồ sơ:

* Trích dẫn địa chỉ và thông tin đăng tải trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các ngành, nghề đầu tư kinh doanh và tỷ lệ sở hữu nước ngoài (nếu có) áp dụng đối với ngành nghề đầu tư kinh doanh mà công ty đang hoạt động theo quy định pháp luật đầu tư, pháp luật liên quan, điều ước quốc tế hoặc tài liệu khác theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác định ngành nghề đầu tư kinh doanh, tỷ lệ sở hữu nước ngoài áp dụng đối với công ty.

(v) Trường hợp doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng, bổ sung hồ sơ:

* Văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án cổ phần hóa, trong đó có nội dung về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty.

**- Thời hạn giải quyết:**

10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ báo cáo đầy đủ và hợp lệ, không bao gồm thời gian UBCKNN phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để xác nhận thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Công ty đại chúng.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** UBCKNN.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản xác nhận về việc nhận đầy đủ hồ sơ báo cáo của công ty.

**- Lệ phí (nếu có):** không có.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

+ Phụ lục 16: Thông báo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng, tổ chức kinh doanh chứng khoán

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không có

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Chứng khoán ngày 29/6/2006;

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010;

+ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

+ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

+ Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**Phụ lục 16/ Appendix 16**

**MẪU THÔNG BÁO VỀ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA TẠI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, TỔ CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên*

*thị trường chứng khoán Việt Nam)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY...** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *………, ngày tháng năm 20...* |

**THÔNG BÁO VỀ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA TẠI**

**CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Thông tư số /2015/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam,

Chúng tôi là:

Công ty: ... Mã chứng khoán: ... Website: ...

Địa chỉ liên lạc: ... Điện thoại: ... Fax: ... Email: ...

Xin thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty như sau:

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật: ... %

Cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh** | **Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (theo quy định pháp luật liên quan)** | **Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế** *(cụ thể Hiệp định quốc tế)* | **Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền (áp dụng đối với DNNN thực hiện cổ phần hóa)** | **Tỷ lệ sở hữu theo Điều lệ công ty (áp dụng đối với công ty không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài)** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |
| ... |  |  |  |

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty dự kiến thực hiện: ...%

Lý do: ...

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hồ sơ gửi kèm:***  *(Liệt kê đầy đủ)*  - Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;  - Điều lệ công ty;  - Văn bản hoặc trích lục thông tin trên trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về ngành, nghề đầu tư kinh doanh và tỷ lệ sở hữu nước ngoài;  - Tài liệu khác theo yêu cầu của UBCKNN (nếu có) | **TỔNG GIÁM ĐỐC/**  **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

**2. Thủ tục *Đề nghị chấp thuận cho tổ chức nước ngoài được sở hữu từ 51% trở lên vốn điều lệ tại tổ chức kinh doanh chứng khoán***

**- Trình tự thực hiện:**

**+** Bước 1: Tổ chức nước ngoài thông qua tổ chức kinh doanh chứng khoán nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận cho tổ chức nước ngoài được sở hữu từ 51% trở lên vốn điều lệ tại tổ chức kinh doanh chứng khoán đến Ủy ban chứng khoán nhà nước (UBCKNN);

+ Bước 2: UBCKNN tiếp nhận hồ sơ trong giờ hành chính các ngày làm việc, kiểm tra, thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, UBCKNN gửi công văn từ chối và nêu rõ lý do.

+ Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, UBCKNN cấp Quyết định chấp thuận cho tổ chức nước ngoài được thực hiện giao dịch để sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

**- Cách thức thực hiện:**

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở UBCKNN; hoặc

+ Gửi qua đường bưu điện.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

(i) Giấy đề nghị chấp thuận giao dịch làm tăng tỷ lệ sở hữu lên trên 51% vốn điều lệ tổ chức kinh doanh chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC;

(ii) Hợp đồng nguyên tắc về giao dịch cổ phần, phần vốn góp giữa các bên tham gia giao dịch (nếu có);

(iii) Văn bản của tổ chức nước ngoài ủy quyền cho tổ chức kinh doanh chứng khoán thực hiện thủ tục đề nghị chấp thuận giao dịch;

(iv) Bản sao hợp lệ Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác;

(v) Bản sao hợp lệ Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, hội đồng thành viên hoặc quyết định của chủ sở hữu tổ chức nước ngoài về việc mua để sở hữu trên 51% vốn điều lệ của tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam;

(vi) Bản sao Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Quyết định của chủ sở hữu tổ chức kinh doanh chứng khoán về việc cho phép tổ chức nước ngoài mua để sở hữu trên 51% vốn điều lệ của tổ chức kinh doanh chứng khoán (trừ trường hợp tổ chức nước ngoài thực hiện chào mua công khai theo quy định pháp luật);

(vii) Điều lệ tổ chức kinh doanh chứng khoán (nếu có sửa đổi, bổ sung);

(viii) Cam kết tổ chức nước ngoài chỉ sử dụng vốn chủ sở hữu và các nguồn vốn hợp lệ khác để mua và không thuộc các trường hợp hạn chế sở hữu theo quy định tại điểm c khoản 7 và điểm c khoản 8 Điều 71 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP;

(ix) Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán và các báo cáo tài chính quý gần nhất. Nếu tổ chức nước ngoài là công ty mẹ thì phải bổ sung báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán. Thông tin trên các báo cáo tài chính đã kiểm toán phải bảo đảm tổ chức nước ngoài đáp ứng quy định tại điểm b khoản 6 Điều 71 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP;

(x) Xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài nơi mà tổ chức nước ngoài có trụ sở chính về việc tổ chức nước ngoài không đang trong tình trạng kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc đang trong tình trạng cảnh báo khác và các tài liệu khác chứng minh tổ chức nước ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 6, khoản 10 Điều 71 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP và khoản 24 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:**

15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức nước ngoài thông qua tổ chức kinh doanh chứng khoán.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** UBCKNN.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định chấp thuận cho tổ chức nước ngoài được thực hiện giao dịch để sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

**- Lệ phí (nếu có):** không có.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

+ Phụ lục 9: Giấy đề nghị chấp thuận cho tổ chức nước ngoài giao dịch để sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức kinh doanh chứng khoán;

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Tổ chức nước ngoài muốn sở hữu từ 51% trở lên vốn điều lệ của tổ chức kinh doanh chứng khoán phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 21 và khoản 24 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP, cụ thể như sau:

(i) Là tổ chức hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm và đã có thời gian hoạt động tối thiểu là 2 năm liền trước năm tham gia góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp;

(ii) Cơ quan quản lý, giám sát chuyên ngành ở nước ngoài trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ký kết thỏa thuận hợp tác song phương hoặc đa phương về trao đổi thông tin, hợp tác quản lý, thanh tra, giám sát hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán;

(iii) Có tư cách pháp nhân và không đang trong tình trạng hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản và không thuộc các trường hợp không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;

(iv) Hoạt động kinh doanh có lãi trong 02 năm liền trước và không có lỗ lũy kế. Ngoài ra:

Trường hợp là ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán thì không đang trong tình trạng kiểm soát hoạt động, kiểm soát đặc biệt hoặc các tình trạng cảnh báo khác; đồng thời đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được tham gia góp vốn, đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Trường hợp là các tổ chức kinh tế khác: Có thời gian hoạt động tối thiểu là 05 năm liên tục liền trước năm tham gia góp vốn thành lập tổ chức kinh doanh chứng khoán; Sau khi trừ đi tài sản dài hạn, phần còn lại của vốn chủ sở hữu tối thiểu phải bằng số vốn dự kiến góp; Vốn lưu động tối thiểu phải bằng số vốn dự kiến góp.

(v) Chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và các nguồn vốn hợp lệ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán phải không có ngoại trừ.

+ Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được một tổ chức có chức năng dịch thuật theo quy định pháp luật Việt Nam dịch chứng thực sang tiếng Việt. Các văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền nước ngoài cấp phải được công chứng, hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật liên quan.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Chứng khoán ngày 29/6/2006;

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010;

+ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

+ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

+ Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**Phụ lục 9/ Appendix 9**

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHO TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI GIAO DỊCH ĐỂ SỞ HỮU TỪ 51% VỐN ĐIỀU LỆ TRỞ LÊN TẠI TỔ CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên*

*thị trường chứng khoán Việt Nam)*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHO TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI GIAO DỊCH ĐỂ SỞ HỮU TỪ 51% VỐN ĐIỀU LỆ TRỞ LÊN TẠI TỔ CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi là:

- Tổ chức kinh doanh chứng khoán (tên đầy đủ và chính thức của công ty ghi bằng chữ in hoa)

- Giấy phép thành lập và hoạt động số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm ...

- Vốn điều lệ:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: .... Fax:...

Đề nghị Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận chotổ chức nước ngoài dưới đây được thực hiện các giao dịch để sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên:

- Bên mua

+ Tên đầy đủ, tên viết tắt của tổ chức nước ngoài

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số (đối với tổ chức)...... hoặc số chứng minh thư nhân dân/ số hộ chiếu (đối với cá nhân nước ngoài)..., nơi cấp....

+ Số lượng cổ phần, giá trị vốn góp trước giao dịch ..... tương đương với.....% tỷ lệ sở hữu

+ Số lượng cổ phần, giá trị vốn góp dự kiến mua..... tương đương với.....% tỷ lệ sở hữu

+ Số lượng cổ phần, giá trị vốn góp dự kiến sau giao dịch..... tương đương với.....% tỷ lệ sở hữu

*Trường hợp là công ty chưa đại chúng thì phải bổ sung thêm thông tin của bên bán*

- Bên bán

+ Tên cổ đông, thành viên góp vốn bên bán:

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số (đối với tổ chức).... hoặc số chứng minh thư nhân dân/ số hộ chiếu (đối với cá nhân nước ngoài)..., nơi cấp....

+ Số lượng cổ phần, giá trị vốn góp trước giao dịch..... tương đương với.....% tỷ lệ sở hữu

+ Số lượng cổ phần, giá trị vốn góp dự kiến chuyển nhượng ..... tương đương với.....% tỷ lệ sở hữu

+ Số lượng cổ phần, giá trị vốn góp dự kiến sau giao dịch ..... tương đương với.....% tỷ lệ sở hữu

+ Trị giá chuyển nhượng....(tính theo đồng Việt Nam)

Chúng tôi cam kết hoàn tất các thủ tục giao dịch thay đổi quyền sở hữu cổ phần, vốn góp hoặc tăng, giảm vốn điều lệ theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và hồ sơ gửi kèm.

|  |  |
| --- | --- |
| *Hồ sơ kèm theo*:  (*Liệt kê đầy đủ*) | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  **CỦA TỔ CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**  *(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* |

**3. Thủ tục *Đăng ký mã số giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư nước ngoài***

**- Trình tự thực hiện:**

***+*** *Bước 1: Nhà đầu tư nước ngoài nộp hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán cho thành viên lưu ký. Thành viên lưu ký thẩm định và khai báo các thông tin theo quy định tại Phụ lục 1/Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (TTLK);*

*+ Bước 2: TTLK tiếp nhận thông tin khai báo*

*(i)**Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận thông tin, TTLK cấp và xác nhận điện tử mã số giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư nước ngoài trên hệ thống.*

*(ii) Trường hợp từ chối, TTLK trả lời trên hệ thống và nêu rõ lý do.*

*+ Bước 3:Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận mã số giao dịch chứng khoán, thành viên lưu ký nộp đầy đủ hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán cho TTLK;*

*+ Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ thành viên lưu ký, TTLK cấp Giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư (qua thành viên lưu ký).*

**- Cách thức thực hiện:**

*+ Bước 1, bước 2: Thành viên lưu ký khai báo hồ sơ và TTLK trả lời hồ sơ trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến;*

*+ Bước 3: Thành viên lưu ký nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến địa chỉ trụ sở TTLK;*

*+ Bước 4: Thành viên lưu ký nhận Giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán tại trụ sở TTLK.*

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*+ Thành phần hồ sơ:*

*(i) Giấy đăng ký mã số giao dịch chứng khoán theo mẫu quy định tại:*

* *Phụ lục 1 (đối với tổ chức trực tiếp đăng ký) ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC;*
* *Phụ lục 2 (đối với cá nhân trực tiếp đăng ký) ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC;*
* *Bản sao văn bản ủy quyền cho thành viên lưu ký thực hiện việc đăng ký mã số giao dịch chứng khoán.*

*(ii) Tài liệu nhận diện nhà đầu tư nước ngoài:*

* *Đối với nhà đầu tư tổ chức: Tài liệu nhận diện nhà đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC;*
* *Đối với nhà đầu tư cá nhân: bản sao hợp lệ hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác.*

*(iii) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài có đại diện giao dịch, tài liệu bổ sung bao gồm:*

* *Văn bản ủy quyền đại diện giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC;*
* *Phiếu Thông tin về đại diện giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC;*
* *Bản sao hợp lệ chứng minh thư nhân dân (thẻ căn cước công dân) hoặc hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện giao dịch;*
* *Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán của đại diện giao dịch.*

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:**

*+ Bước 2: 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận thông tin khai báo trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến;*

*+ Bước 4: 05 ngày làm việc kể từ ngày TTLK nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ thành viên lưu ký.*

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Thành viên lưu ký được ủy quyền đăng ký mã số giao dịch chứng khoán.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: **Trung tâm Lưu ký Chứng khoán**

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: **Trung tâm Lưu ký Chứng khoán**

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư nước ngoài.

**- Lệ phí (nếu có):** không có

**- Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai:***ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.*

*+ Phụ lục 1: Giấy đăng ký mã số giao dịch (áp dụng cho tổ chức);*

*+ Phụ lục 2: Giấy đăng ký mã số giao dịch (áp dụng cho cá nhân);*

*+ Phụ lục 10: Văn bản chỉ định/ Giấy ủy quyền của nhà đầu tư nước ngoài cho đại diện giao dịch;*

*+ Phụ lục 11: Phiếu thông tin về đại diện giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài;*

*+ Phụ lục 12: Tài liệu nhận diện nhà đầu tư;*

*+ Phụ lục 20: Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán.*

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

*+ Điều kiện về nhà đầu tư nước ngoài: Nhà đầu tư nước ngoài không được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trong các trường hợp sau:*

* *Đang bị điều tra hoặc đã từng bị cơ quan quản lý có thẩm quyền trong nước hoặc nước ngoài xử phạt về các hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật chứng khoán, hành vi rửa tiền; hoặc có các hành vi vi phạm và bị xử phạt hành chính, hình sự trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, quản lý ngoại hối, thuế mà chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính hoặc không thực hiện đầy đủ quyết định xử phạt vi phạm hành chính đó;*
* *Bị hủy bỏ mã số giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai (02) năm tính tới thời điểm nộp hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán.*

*+ Điều kiện về người đại diện giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam: là cá nhân tại Việt Nam đáp ứng các quy định*

* *Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không thuộc trường hợp đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;*
* *Có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán;*
* *Không đồng thời là nhân viên của tổ chức kinh doanh chứng khoán, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài, ngân hàng lưu ký hoạt động tại Việt Nam;*
* *Là đại diện giao dịch duy nhất tại Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài và được nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền bằng văn bản.*

*+ Yêu cầu về tính hợp lệ của hồ sơ:*

* *Ngoại trừ các tài liệu theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC, văn bản ủy quyền cho thành viên lưu ký, hợp đồng lưu ký và các tài liệu trích dẫn nội dung đăng tải từ trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý có thẩm quyền của nước ngoài, các tài liệu lập bằng tiếng nước ngoài phải được công chứng hoặc chứng thực theo pháp luật nước ngoài. Bản sao các tài liệu lập bằng tiếng Việt do cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức có thẩm quyền tại Việt Nam cấp được công chứng hoặc chứng thực phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam. Thời điểm công chứng hoặc chứng thực không quá một (01) năm, tính tới thời điểm nhà đầu từ nước ngoài nộp hồ sơ cho thành viên lưu ký;*
* *Ngoại trừ tài liệu bằng tiếng Anh hoặc bản dịch tiếng Anh đã được công chứng hoặc chứng thực theo pháp luật nước ngoài, tài liệu bằng các tiếng nước ngoài khác phải được dịch ra tiếng Việt. Việc dịch ra tiếng Việt được thực hiện bởi thành viên lưu ký hoặc bởi tổ chức dịch thuật hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.*

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

*+ Luật Chứng khoán ngày 29/6/2006;*

*+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010;*

*+ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;*

*+ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;*

*+ Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.*

*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung thay thế*

**Phụ lục 1/ Appendix 1**

**GIẤY ĐĂNG KÝ MÃ SỐ GIAO DỊCH**

(áp dụng cho tổ chức)

**Securities Trading Code Application Form for Foreign Institutional**

**Investors to Invest in Vietnam’s Securities Market**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên*

*thị trường chứng khoán Việt Nam)*

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

To: VietNam Securities Depository

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. Tên/ Applicant   (Applicant's name shall be same as indicated on supporting identification documents) | | | | |
| 1. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Certificate for Business Registration: | | | | |
| 1. Ngày thành lập/ Establishment Date: | | | | |
| 1. Quốc gia nơi thành lập/ Country of domicile | | | | |
| 1. Địa chỉ/ Address | | | | |
| 1. Loại hình tổ chức/ Type of Applicant 2. Please check applicable box and fill in relevant information, as appropriate | | | | |
| □ Quỹ đầu tư / If Applicant is a fund. | | | □ Không phải là quỹ đầu tư/ If Applicant is not a fund. | |
| Loại hình/Type:   * Quỹ dạng pháp nhân/ a fund established as a corporation. * Quỹ tín thác, dạng hợp đồng/ a trust fund, a contractual fund * Quỹ thành viên/ a fund established as a partnership * Quỹ hưu trí/ a pension fund * Quỹ mở (quỹ tương hỗ)/ a mutual fund/ open-ended fund * Quỹ đóng/ a closed-ended fund * Quỹ ETF, Quỹ chỉ số/ETF funds, Index Funds * Hợp đồng ủy thác/ discretionary account * Loại hình khác/ Others\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | | | Loại hình/Type:   * Ngân hàng thương mại/ a commercial/merchant bank * Ngân hàng đầu tư / Investment bank * Công ty bảo hiểm/ an insurance company * Công ty chứng khoán/ a broker firm or a futures commission merchant * Công ty quản lý quỹ/ a fund (asset) management company * Chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài/ Branch of a forgein fund (asset) management company in Vietnam * Loại hình khác/ Others \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_[[1]](#footnote-2) | |
| Trường hợp là quỹ con, quỹ quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ, tổ chức đã được cấp mã số giao dịch chứng khoán, bổ sung thêm các thông tin sau/ If Applicant is a sub-fund or fund of a feeder fund/ master fund or Multiple Investment Managers fund being a foreign governmental/ inter-governmental organization, please check applicable box and fill relevant information, as appropriate.  Mã số giao dịch chứng khoán của tổ chức liên quan theo quy định tại khoản 7 Điều 2/ Trading Code of Foreign Related Parties according to Art 2.7.  Ngày cấp/Date of issue  Mối quan hệ giữa tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán và tổ chức đã có mã số giao dịch chứng khoán/ The relationship between the Aplicant and the above STC holder:   * Quỹ con/Sub-Fund to Fund * Quỹ được tài trợ từ một quỹ/Fund to Master/ Feeder Fund * Quỹ quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ/MIM Fund * Quỹ quản lý bởi cùng một công ty quản lý quỹ/ Managed, advised by the same Fund manager * Quỹ có cùng một đại diện giao dịch/ Traded by the same Agent * Tổ chức nước ngoài thuộc chính phủ, liên chính phủ/ Foreign governmental/ inter-governmental organization * Loại hình quan hệ khác/ Other | | | Trường hợp là công ty chứng khoán, bổ sung thêm các thông tin sau /If Applicant is a broker firm, please check applicable box and fill relevant information, as appropriate:   * Mã số cho tài khoản môi giới/Trading code for broker (customers) account * Mã số cho tài khoản tự doanh/Trading code for own account   Trường hợp công ty chứng khoán/ công ty mẹ/ bộ phận kinh doanh độc lập của một tổ chức đã được cấp một mã số giao dịch chứng khoán, đề nghị cung cấp thông tin về mã số đã được cấp, ngày cấp/ If the Applicant is a broker/ subsidiary of institution which has been granted with a trading code, please provide below details:  Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code  Ngày cấp/Date of issue  Mối quan hệ giữa tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán và tổ chức đã có mã số giao dịch chứng khoán/ The relationship between the Aplicant and the affiliated institution:   * Là công ty con/ Subsidiary of a parent company * Là công ty trong cùng tập đoàn/ Company in the same group * Loại hình quan hệ khác/ Other | |
| 7. Thông tin về nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan (nếu có)/ Foreign Related person in Vietnam (if any):  a. Người có liên quan theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 2  (Related person according to Art 2.7.a)  - Tên/ Name:…………………………………Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code  - Tên/ Name:…………………………………..Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code  b. Người có liên quan theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2  (Related person according to Art 2.7.b)  - Tên/ Name:…………………………………..Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code  - Tên/ Name:…………………………………..Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code  c. Người có liên quan theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 2  (Related person according to Art 2.7.c)  - Tên/ Name:…………………………………..Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code  - Tên/ Name:…………………………………..Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code  d. Người có liên quan theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 2  (Related person according to Art 2.7.d)  - Tên/ Name:…………………………………..Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code  - Tên/ Name:…………………………………..Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code  đ. Người có liên quan theo quy định tại điểm đ khoản 7 Điều 2  (Related person according to Art 2.7.đ)  - Tên/ Name:…………………………………..Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code  - Tên/ Name:…………………………………..Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code | | | | |
| 8. Phương án kinh doanh tại Việt Nam/Investment Objective in Vietnam:   * Dài hạn/Long-term * Ngắn hạn/Short-term   Quy môvốn tối đa dự kiến đầu tư/ Maximium Portfolio Value (in USD):  Thời hạn dự kiến đầu tư/ Investment horizon (in years)  Cơ cấutài sản dự kiến/ Asset Allocation   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Asset/Công cụ | Fixed-Income/Trái phiếu | | | Equity/Cổ phiếu | | Real Estate/Bất động sản | Others/Các công cụ khác | | Maturity | Ngắn hạn/ Short-term (<1 year) | Trung hạn/ Mid-Term  (1-2 year) | Dài hạn/ Long Term  (>2 years) | Listed/ Niêm yết | Unlisted/Chưa niêm yết | | Asset Allocation (%) |  |  |  |  | |  |  | | | | | |
| 9. Cam kết: (có hiệu lực kể từ ngày ký)  Declaration: (effective from the date this registration from is signed) | | | | |
| 9.1 Trên cơ sở các quy định tại Điều lệ Công ty/ Giấy phép thành lập hoặc các tài liệu tương đương, chiến lược đầu tư và giao dịch của chúng tôi nhằm mục đích sau:  Pursuant to the Articles on Memorandum of Incorporation or other corporate documents or agreements of the establishment of the applicant, the nature of applicant's overall investment or trading strategy is for the following purposes (please check the appropriate box):   * Investment/đầu tư * Hedging/đầu cơ   9.2 Chúng tôi cam đoan rằng những thông tin nêu trên cùng nội dung của toàn bộ hồ sơ và các tài liệu kèm theo là hoàn toàn chính xác, trung thực.  We hereby certify that all the information given above is correct, the attached documents and the contentstherein are true and accurate.  9.3 Chúng tôi xin cam kết tuân thủ các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán tại Việt Nam, chúng tôi sẽ không có các hành vi giao dịch trái luật làm ảnh hưởng tới sự công bằng và trật tự thị trường tài chính, thị trường chứng khoán của Việt Nam.  We hereby undertake to comply to all laws and regulations on securities trading of Vietnam and do not take any action to threatening to the stability or order of the Vietnam’s financial and securities market. | | | | |
| 10. Thông tin cơ bản về tổ chức đầu tư (trường hợp tổ chức đầu tư không phải là quỹ đầu tư).  Background Information on Applicant (if the applicant is not a fund). | | | | |
| Tên các cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên phần vốn góp, vốn điều lệ của tổ chức đầu tư  Names of the Shareholders who own 5% or more of Applicant's share capital. | | Quốc tịch/ Quốc gia nơi thành lập  Nationality/ County of domicile | | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ CMTND/ Hộ chiếu  Certificate For Business Registration/ ID card/ Passport |
|  | |  | |  |
| 11. Các thông tin khác / Other Information (Please mark N/A, if such item is not applicable) | | | | |
|  | Tên & Địa chỉ liên lạc  Name & Address/Website/Email/Tel/Fax | | | |
| Công ty Quản lý quỹ nước ngoài (nếu có)  Foreign Asset Management Company (if any) |  | | | |
| Công ty quản lý quỹ tại Việt Nam (nếu có)  Vietnamese Fund Management Company (if any) |  | | | |
| Tổ chức nhận ủy thác/Ngân hàng Giám sát (nếu có)  Trustee (if any) |  | | | |
| Ngân hàng lưu ký (nếu có)  Global Custodian (if any) |  | | | |
| Thành viên lưu ký tại Việt nam (nếu có)  Vietnamese Custodian (if any) |  | | | |
| Công ty Chứng khoán tại Việt Nam (nếu có, liệt kê tất cả)  Vietnamese Broker Firms |  | | | |
| Văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có)  Representative Office in Vietnam (if any) |  | | | |
| Đại diện giao dịch tại Việt Nam (nếu có)/Traded Representative in Vietnam (if any) |  | | | |
| Người được ủy quyền báo cáo, công bố thông tin (nếu có)/Information Disclosure Agent (if any) |  | | | |
| Người liên lạc (nếu có)/Contact person (if any) |  | | | |
| Hồ sơ kèm theo  Attachments | | | | |
| Tổ chức đăng ký  Applicant: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư nước ngoài ký tên, đóng dấu (nếu có)  Name, Signature and Seal (if any)  of Authorized Signatory: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Chức danh  Title: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Ngày thực hiện  Execution Date: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | | | | |

**Phụ lục 2/Appendix 2**

**GIẤY ĐĂNG KÝ MÃ SỐ GIAO DỊCH**

(áp dụng cho cá nhân)

**Securities Trading Code Application Form for Foreign Individual Investors to Invest in Vietnam’s Securities Markets**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên*

*thị trường chứng khoán Việt Nam)*

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

To: VietNam Securities Depository

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | 1. Họ và Tên:  Name: | Giới tính:  Sex: | | 2. Ngày sinh:  Date of birth: | Nơi sinh:  Place of birth: | | 3. Quốc tịch:  Nationality: |  | | 4. Địa chỉ thường trú:  Permanent address: |  |   5. Chỗ ở hiện nay tại nước ngoài:  Oversea’s residental address: | |
| 6. Chỗ ở hiện nay tại Việt Nam (nếu có): Tel/Fax:  Residental address in Vietnam (if any): Tel/Fax: | |
| 7. Số an sinh xã hội:  ID card/ or Social security Number (If any)   |  |  | | --- | --- | | Nơi cấp:  Place of issue | Ngày cấp:  Date of issue: | | 8. Số Hộ chiếu:  Passport number:  Nơi cấp:  Place of issue: | Ngày cấp:  Date of issue:  Thời hạn:  Expiry date: | | |
| |  |  | | --- | --- | | 9. Công ty chứng khoán tại Việt Nam, Đại diện của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)  Broker firms in Vietnam/ Trade Representative/ Agent (if any): | | | Tên  Name | Số Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Số Giấy phép thành lập và hoạt động/ Number of Certificate For Business Registration  Địa chỉ liên lạc  Address  Tel/fax/Email  Đại diện giao dịch (nếu có)  Trade Representative/Agent (if any)  Tel/fax/Email | | |
| 10. Các thông tin khác  Other Information | Tên & Địa chỉ liên lạc  Name & Address/Website/Email/Tel/Fax |
| Công ty quản lý quỹ tại Việt Nam (nếu có)  Vietnamese Fund Management Company (if any) |  |
| Ngân hàng lưu ký (nếu có)  Global Custodian (if any) |  |
| Thành viên lưu ký tại Việt nam (nếu có)  Vietnamese Custodian (if any) |  |
| Công ty Chứng khoán tại Việt Nam  Broker firms in Vietnam |  |
| Đại diện giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)  Trade Representative/ Agent in Vietnam (if any) |  |
| Người được ủy quyền báo cáo, công bố thông tin/ Information Disclosure Agent |  |
| 11. Cam kết: (có hiệu lực kể từ ngày ký)  Declaration: (effective from the date this registration from is signed) | |
| 11.1 Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên và nội dung của toàn bộ hồ sơ và các tài liệu kèm theo là hoàn toàn chính xác, trung thực.  I hereby certify that all the information given above is correct,the attached documents and thecontents therein are true and accurate.  11.2 Tôi xin cam kết sẽ tuân thủ pháp luật Việt Nam, không có các hành vi giao dịch trái luật làm ảnh hưởng tới sự công bằng và trật tự thị trường tài chính, thị trường chứng khoán của Việt Nam  I hereby undertake to comply to the Vietnamese law and not knowingly to take such measures to threatening to the stability or order of the Vietnam’s financial and securities market.  11.3 Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng và hiện nay chưa bị xử phạt về các hành vi lừa đảo, thao túng, giao dịch nội bộ ở nước sở tại cũng như ở nước ngoài.  I hereby certify that I am not and have not been convicted of any fraud, manipulation, or insider trading offences either inside the country of birth, of permanent residence or of any other country (applicable to individual investor).   |  |  | | --- | --- | |  | Ngày…tháng…năm  Date...month...year....  **Chữ ký của nhà đầu tư**  (Investor’s signature) | | |
| **Hồ sơ kèm theo**  Attachments | |

**Phụ lục 10/ Appendix 10**

**VĂN BẢN CHỈ ĐỊNH/ GIẤY ỦY QUYỀN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CHO ĐẠI DIỆN GIAO DỊCH**

**POWER OF ATTORNEY FOR VIETNAM BASED**

**TRADING REPRESENTATIVE/ AGENT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên*

*thị trường chứng khoán Việt Nam)*

**I. Thông tin về các bên có liên quan**

**I. Information on relating parties**

**Chúng tôi là:**

**We,**

1. Tên đầy đủ, tên giao dịch, tên viết tắt của nhà đầu tư (ghi bằng chữ in hoa tên tổ chức nước ngoài – tên trên Giấy phép thành lập/ đăng ký kinh doanh)/ Full name, transaction name, abbreviation name of Investor (the names should be input in capital letter and consistent with that on Certificate of Incorporation/ Certification of business registration):
2. Loại hình nhà đầu tư/ Category: Cá nhân/ Individual ⁯ Tổ chức/ Institution ⁯
3. Địa chỉ trụ sở chính của nhà đầu tư /địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân):.......

Head office address:

Tel.......................fax............................email........................

1. Quốc tịch của nhà đầu tư/Certificate of Incorporation:
2. Giấy đăng ký NSH[[2]](#footnote-3)/ Business License number........................................................

Do/ issued by:……………………………… cấp ngày/ dated ………tháng………..năm………..

Có hiệu lực tới ngày/ valid to ………..tháng………….năm……………………………..

1. Mã số giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Code number (if any):

Ngày cấp/ issued on:

1. Tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có)/ Securities Custody number (if any):

Số tài khoản)/ Securities Custody number :.................................................. ..............................................

Mở tại Thành viên lưu ký (tên đầy đủ/tên viết tắt)/ Custodian name:............................... ............

Địa chỉ trụ sở chính của Thành viên lưu ký/ Address of the custodian...................................................

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số/ Depository License Number............do UBCKNN cấp ngày.....tháng.....năm......../ issued by State Securities Commission on............

1. Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Number:

Số tài khoản/ Securities Trading Number:.................................................. ..............................................

Mở tại Công ty chứng khoán (tên đầy đủ/tên viết tắt)/ Securities Company Name:............................... ............

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty chứng khoán/ Address of Securities Company...................................................

Giấy phép thành lập và hoạt động số............do UBCKNN cấp ngày.....tháng.....năm........Business License number....... issued by State Securties Commission on................

1. Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (nếu có)/ Foreign Indirect Investment Account Number:

Số tài khoản/ Account number:.................................................. ..............................................

Mở tại Thành viên lưu ký (tên đầy đủ/tên viết tắt)/ Bank name........................................

Địa chỉ trụ sở chính của Thành viên lưu ký/ Address:......................................................

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số............do UBCKNN cấp ngày.....tháng.....năm........Business License number .......issued by State Securities Commision dated......

1. Tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán tại ngân hàng (nếu có)/ Cash account for securities trading opened at a bank:

Số tài khoản/ Account number:...............................................................................................

Mở tại Ngân hàng (tên đầy đủ/tên viết tắt)/ at bank:..............................................

Địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng/ Address...................................................

Giấy phép thành lập và hoạt động số............do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày.....tháng.....năm........Business License number...............issued by State Bank on............

**Sau đây chỉ định/ hereby appoint**

Ông (Bà)/ Mr, Mrs:

1. Họ và tên/ Full Name: Giới tính/ Gender:
2. Ngày sinh/ DOB: Nơi sinh/ Place of birth:
3. Quốc tịch/ Nationality:
4. Số Hộ chiếu/CMND/Thẻ an sinh xã hội/ Passport number, ID/ Social Securities Number

Nơi cấp/ issued at: Ngày cấp/ issued on:

1. Số Chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán (CCHN)/ Securities / Professional Licence for Securities trading:

Ngày cấp/ issued on:

1. Nơi làm việc (tên đầy đủ, tên viết tắt của tổ chức nơi làm việc)/ Place of Work’s name:

Địa chỉ nơi làm việc/ Address

1. Tel: Fax: Email:
2. Địa chỉ thường trú/ Permanent Address:
3. Chỗ ở hiện nay tại nước ngoài/ Residence address:

Tel: Fax: Email:

1. Chỗ ở hiện nay tại Việt Nam (nếu có)/ Address in Vietnam

Tel: Fax: Email:

Là đại diện giao dịch duy nhất cho .......................................(tên nhà đầu tư nước ngoài), thực hiện việc giao dịch, quyền cổ đông, đại diện phần vốn góp, thực hiện việc báo cáo, công bố thông tin theo sự chỉ định, ủy quyền của .............................. (tên nhà đầu tư nước ngoài).

To be the sole trading representative for *<name of foreign institutional investor>*for trading activities, shareholder’s rights, reporting, information disclosure in accordance with the power of attorney of *<name of foreign institutional investor>.*

Giấy chỉ định này có hiệu lực cho đến khi có Văn bản chỉ định, ủy quyền hủy bỏ bằng văn bản của....................(tên nhà đầu tư nước ngoài).

This power of attorney shall be valid until <*Name of the foreign investor*> issues a written notice of revocation.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN GIAO DỊCH**  **TRADING REPRESENTATIVE**  *(Ký, ghi rõ họ tên)*  *(Signature, name, title)* | **ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI/ AUTHORIED SIGNATORY FROM FOREIGN INVESTOR**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)/**(Signature, name, title)* |

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÔNG CHỨNG HOẶC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**

**CERTIFIED BY AUTHORIZED NOTARY PUBLIC OR AUTHORIZED AUTHORITY**

**Phụ lục11/ Appendix 11**

**PHIẾU THÔNG TIN VỀ ĐẠI DIỆN GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU**

**TƯ NƯỚC NGOÀI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên*

*thị trường chứng khoán Việt Nam)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....,ngày ... tháng ... năm* ...

Place, date

**INFORMATION ON VIETNAM BASED TRADING**

**REPRESENTATIVE/ AGENT**

1. Họ và tên : Nam/ Nữ:

Full name: Gender:

Bí danh ( nếu có ):

Nickname (if any):

1. Ngày tháng năm sinh :

Date of birth:

1. Nơi sinh :

Place of birth:

1. Số chứng minh thư nhân dân (hoặc hộ chiếu, các tài liệu chứng thực khác):

ID card/Passport number (or other equivalent documents):

1. Quốc tịch :

Nationality:

1. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú :

Resident address:

1. Địa chỉ liên lạc (thường xuyên):

Permanent address:

Tel: Fax: Email:

1. Chỗ ở hiện nay tại nước ngoài:

Permanent addresss overseas:

Tel: Fax Email:

1. Chỗ ở hiện nay tại Việt Nam (nếu có):

Permanent address in Vietnam (if any):

Tel: Fax: Email:

1. Trình độ văn hoá:

Qualification:

1. Trình độ chuyên môn:

Major qualification:

1. Nơi làm việc (tên đầy đủ, tên viết tắt của tổ chức nơi làm việc):

Work for (Full name, abbreviated name of the employer):

Địa chỉ nơi làm việc:

Working address:

Tel: Fax: Email:

Vị trí công tác:

Position:

1. Chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán (CCHN):

Certificate on Conduting securities business:

Số: Loại CCHN: Nơi cấp:

Number: Type: Issued by:

1. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

Education background and Qualifications:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian**  **Time** | **Nơi đào tạo**  **Training organisation** | **Chuyên ngành đào tạo**  **Training major** |
|  |  |  |

1. Quá trình công tác (chi tiết về các nghề nghiệp, chức vụ, vị trí công tác đã qua, kết quả công tác tại từng vị trí):

Work experience (details on occupation, position, department, performance)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian**  **Time** | **Nơi làm việc**  **Employer** | **Chức vụ/Vị trí công**  **tác/Trách nhiệm**  **Position/ Department/Responsibilities** | **Kết quả công tác**  **Performance** |
|  |  |  |  |

1. Hoạt động giao dịch theo chỉ định của các nhà đầu tư trong và ngoài nước khác (nếu có):

Trading under power of attorney of other dosmestic and foreign investors (if any):

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  **No** | **Tên nhà đầu tư**  **Investor’s name** | **MSGD (nếu có)**  **Securities trading code (if any)** | **Tài khoản lưu ký/Thành viên lưu ký**  **Depostitory account/ member** | **Tài khoản giao dịch/Công ty chứng khoán**  **Trading Account/ Securities company** | **Thời hạn hợp đồng**  **Contractual period** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

1. Thông tin về tài khoản giao dịch cá nhân của đại diện giao dịch:

Information on personal trading account of Vietnam based trading representative/ agent:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT**  **No** | **Tên nhà đầu tư**  **Investor’s name** | **Tài khoản lưu ký/Thành viên lưu ký**  **Depository account/ member** | **Tài khoản giao dịch/Công ty chứng khoán**  **Trading account/ Securities company** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |

Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên.

I hereby commit to take full responsibilities for the earnestness, completion and exactness of the content of this Information form and all attached documents.

|  |  |
| --- | --- |
| **CERTIFIED BY AUTHORIZED AUTHORITY**  **(Local authority or Employer or diplomatic representative in Vietnam in case of foreign individual representative)** | **NGƯỜI KHAI**  **DECLARANT**  **(Ký, ghi rõ họ tên )**  **(Signature, full name)** |
|  |  |

**Phụ lục 12/ Appendix 12**

**TÀI LIỆU NHẬN DIỆN NHÀ ĐẦU TƯ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên*

*thị trường chứng khoán Việt Nam)*

1. Tài liệu nhận diện nhà đầu tư nước ngoài:

(i) Đối với nhà đầu tư là tổ chức

- Bản sao hợp lệ giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (certificate for business registration) hoặc tài liệu tương đương do cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài cấp, xác nhận đã hoàn tất việc đăng ký kinh doanh; giấy phép thành lập tổ chức và chi nhánh tại Việt Nam (đối với chi nhánh của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam); hoặc

- Giấy đăng ký thuế của cơ quan thuế nước nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh; hoặc

- Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, hoặc tài liệu tương đương do cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài cấp (nếu có) hoặc xác nhận việc đăng ký thành lập.

Trường hợp là quỹ đầu cơ (hedge fund), tài liệu bắt buộc bổ sung bao gồm: điều lệ quỹ; hoặc tài liệu khác giải thích chi tiết về chiến lược đầu tư của quỹ.

Trường hợp theo quy định của pháp luật nước ngoài, cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài không cấp hoặc xác nhận việc lập quỹ, quỹ đầu tư nước ngoài có thể nộp một trong các tài liệu sau đây để thay thế:

- Tài liệu trích lục từ trang thông tin điện tử (website) của cơ quan quản lý có thẩm quyền ở nước ngoài; hoặc

- Điều lệ quỹ (the articles of incorporation, the fund charter), bản cáo bạch; hoặc

- Hợp đồng tín thác (trust deed/trust agreement/ fund contract); hoặc biên bản thỏa thuận góp vốn (memorandum for private placement, establishment contract); hoặc

- Giấy đăng ký thuế của cơ quan thuế của quốc gia nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh; hoặc

- Tài liệu khác theo hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Trường hợp quỹ đầu tư nước ngoài, tổ chức đầu tư nước ngoài được đăng ký nhiều mã số giao dịch chứng khoán (quỹ MIMF, quỹ/tổ chức đầu tư thuộc Chính phủ hoặc liên Chính phủ). Tài liệu bổ sung bao gồm:

Đối với quỹ MIMF: Điều lệ quỹ hoặc bản cáo bạch hoặc hợp đồng quản lý đầu tư (Investment management agreement) hoặc các văn bản tương đương (hợp đồng tín thác hoặc văn bản thành lập, tài liệu giới thiệu sản phẩm quỹ xác minh quỹ, tổ chức đầu tư được quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ khác nhau, kèm theo thông tin chi tiết về tên đầy đủ, tên viết tắt (nếu có), nơi thành lập của các công ty quản lý quỹ tham gia quản lý;

Đối với tổ chức đầu tư nước ngoàithuộc Chính phủ nước ngoài hoặc liên Chính phủ được đăng ký cho mỗi danh mục đầu tư một mã số giao dịch chứng khoán: Điều lệ hoặc bản cáo bạch hoặc các văn bản tương đương (hợp đồng tín thác hoặc văn bản thành lập, bản cáo bạch, tài liệu giới thiệu sản phẩm, quy định pháp lý, các tài liệu do Chính phủ ban hành quy định rõ tổ chức dự kiến đăng ký mã số giao dịch là tổ chức trực thuộc chính phủ, hoặc liên chính phủ và có nhiều danh mục tách biệt, độc lập; kèm theo thông tin về các chính phủ là thành viên tham gia tổ chức đầu tư nêu trên; tên đầy đủ, tên viết tắt, nơi thành lập của các công ty quản lý quỹ tham gia quản lý (nếu có);

(ii) Đối với tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán là bộ phận kinh doanh hạch toán độc lập với hội sở chính; hoặc công ty con thuộc sở hữu 100% vốn của tập đoàn kinh tế đa quốc gia đã được cấp mã số giao dịch chứng khoán; hoặc các quỹ, quỹ con (sub-fund) của cùng một quỹ (master fund, feeder fund); hoặc các danh mục đầu tư của cùng một quỹ hoặc của cùng một tổ chức nước ngoài đã được cấp mã số giao dịch chứng khoán (trong trường hợp quỹ, tổ chức nước ngoài được quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ - Multiple Investment Managers Fund hoặc các danh mục đầu tư của cùng một tổ chức nước ngoài thuộc Chính phủ nước ngoài hoặc liên Chính phủ);

- Tài liệu xác minh mối quan hệ giữa tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán và tổ chức đã được cấp mã số giao dịch chứng khoán, xác minh sự tách biệt, độc lập các danh mục đầu tư của cùng một tổ chức đầu tư, bao gồm Văn bản do cơ quan có thẩm quyền ở nước sở tại nơi tổ chức đó đăng ký cấp (nếu có) hoặc hợp đồng quản lý đầu tư hoặc bản cáo bạch hoặc các tài liệu khác chứng minh mối quan hệ nêu trên hoặc một trong tài liệu thay thế khác mà Trung tâm Lưu ký Chứng khoán xét thấy là cần thiết;

- Bản sao giấy đăng ký mã số giao dịch chứng khoán do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp trước đây;

Trường hợp các tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán/báo cáo thay đổi thông tin tại cùng thời điểm và có các tài liệu đi kèm giống nhau, tổ chức đầu tư nước ngoài chỉ cần nộp một bộ gốc các tài liệu đó.

(iii) Đối với công ty chứng khoán nước ngoài đã được cấp một mã số giao dịch chứng khoán và đề nghị cấp bổ sung thêm mã số giao dịch chứng khoán:

- Bản sao giấy đăng ký mã số giao dịch chứng khoán do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp trước đây.

2. Xác thực chữ ký của người có thẩm quyền

- Trường hợp tổ chức nước ngoài có con dấu riêng, thay bằng việc bổ sung hồ sơ chứng minh thẩm quyền của đại diện có thẩm quyền quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 2 Thông tư này, tổ chức đó chỉ cần sử dụng con dấu của mình cùng với chữ ký của đại diện có thẩm quyền tại hồ sơ xin cấp mã số giao dịch chứng khoán;

- Trường hợp có liên quan tới tài sản của khách hàng (nhà đầu tư nước ngoài) trong việc đóng tài khoản, chuyển khoản, tất toán tài khoản, thì Trung tâm Lưu ký Chứng khoán có thể xem xét yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài bổ sung văn bản chứng thực chữ ký của đại diện có thẩm quyền nhằm hạn chế rủi ro thất thoát tài sản của khách hàng.

- Trường hợp người ký báo cáo thay đổi thông tin là người đã ký trên hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán thì không cần tài liệu xác minh thẩm quyền của người ký.

3. Công chứng, chứng thực

Công chứng, chứng thực có thể được thực hiện theo một trong các cách sau:

- Đại diện của tổ chức đầu tư nước ngoài chứng thực tài liệu trước mặt công chứng viên. Sau đó công chứng viên xác nhận danh tính (tên) của đại diện có thẩm quyền này;

- Công chứng viên sao y tài liệu trực tiếp;

- Công chứng chứng thực theo các cách khác phù hợp với quy định pháp luật của nước ngoài.

**Phụ lục 20/ Appendix 20**

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ MÃ SỐ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên*

*thị trường chứng khoán Việt Nam)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIÊT NAM**  **VIETNAM SECURITIES DEPOSITORY**  Số/No: /20xx/GCNMS-VSD | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  **THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  **Independence – Freedom – Happiness**  *Hà Nội, ngày tháng năm*  *Hanoi, date* |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ MÃ SỐ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

**APPROVAL FOR SECURITIES TRADING CODE**

**Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chứng nhận:**

**Vietnam Securities Depository hereby certifies:**

Tên nhà đầu tư/ Investor’s name:

Địa chỉ/ Address :

Quốc tịch/ Nationality :

Số đăng ký: Registration Number:

Khách hàng của Thành viên lưu ký / Being client of Depository Member :

Tên Công ty Quản lý Quỹ (nếu có)/ Name of Investment Manager (if applicable)

**Được cấp mã số giao dịch chứng khoán/ is granted with the Securities Trading Code number …….tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày/ by the Vietnam Securities Depository from …………..**

Thành viên lưu ký và nhà đầu tư trên có trách nhiệm tuân thủ mọi quy đinh liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định khác của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

The depository member and the investor are fully responsible for complying with all regulations governing securities and securities market and other rules issued by the Vietnam Securities Depository.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận/ To:***  - Nhà đầu tư trên/ The above-mentioned foreign investor;  - TVLK/ Depositary member  - Các SGDCK/ Stock Exchanges;  - CN,LK/ VSD Branch, Depository Dept  - Lưu NCPT/ Filed at VSD. | **TỔNG GIÁM ĐỐC/**  **CHIEF EXECUTIVE OFFICER** |

**4. Thủ tục *Báo cáo thay đổi đại diện giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài***

**- Trình tự thực hiện:**

***+*** *Bước 1: Nhà đầu tư nước ngoài nộp hồ sơ báo cáo thay đổi đại diện giao dịch cho thành viên lưu ký. Thành viên lưu ký thẩm định và khai báo các thông tin theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (TTLK);*

*+ Bước 2: TTLK tiếp nhận thông tin khai báo.*

*(i)**Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận thông tin, TTLK điều chỉnh thông tin thay đổi đại diện giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài và xác nhận điện tử trên hệ thống thông qua thành viên lưu ký.*

*(ii) Trường hợp từ chối, TTLK trả lời trên hệ thống và nêu rõ lý do.*

*+ Bước 3:Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận xác nhận điện tử, thành viên lưu ký nộp đầy đủ hồ sơ báo cáo thay đổi đại diện giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định cho TTLK;*

*+ Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ thành viên lưu ký, TTLK xác nhận bằng văn bản việc thay đổi đại diện giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài (qua thành viên lưu ký).*

**- Cách thức thực hiện:**

*+ Bước 1, bước 2: Thành viên lưu ký khai báo hồ sơ và TTLK trả lời hồ sơ trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến;*

*+ Bước 3: Thành viên lưu ký nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến địa chỉ trụ sở TTLK;*

*+ Bước 4: Thành viên lưu ký nhận văn bản xác nhận việc thay đổi đại diện giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài tại trụ sở TTLK.*

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*+ Thành phần hồ sơ:*

*(i) Báo cáo thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC (bản cứng hoặc bản sao điện SWIFT của ngân hàng lưu ký toàn cầu có xác nhận của thành viên lưu ký);*

*(ii) Bản sao văn bản ủy quyền của nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho thành viên lưu ký thực hiện báo cáo (nếu là thành viên lưu ký mới của nhà đầu tư);*

*(iii) Văn bản ủy quyền đại diện giao dịch mới theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC;*

*(iv) Phiếu thông tin về đại diện giao dịch mới theo mẫu quy định tại Phụ lục 11 (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC;*

*(v) Bản sao hợp lệ Chứng minh thư nhân dân (thẻ căn cước công dân)/ hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân khác của đại diện giao dịch (nếu có);*

*(vi) Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán của đại diện giao dịch (nếu có);*

*(vii) Thông báo về việc chấm dứt ủy quyền hoạt động cho đại diện giao dịch cũ.*

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:**

*+ Bước 2: 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận thông tin khai báo trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến;*

*+ Bước 4: 05 ngày làm việc kể từ ngày TTLK nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ thành viên lưu ký.*

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

*Thành viên lưu ký được ủy quyền thực hiện báo cáo.*

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: **Trung tâm Lưu ký Chứng khoán**

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: **Trung tâm Lưu ký Chứng khoán**

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Văn bản xác nhận việc thay đổi đại diện giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài.

**- Lệ phí (nếu có):** không có

**- Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai:** *ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.*

*+ Phụ lục 3: Báo cáo về một số thay đổi của nhà đầu tư nước ngoài (do nhà đầu tư lập);*

*+ Phụ lục 10: Văn bản chỉ định/ Giấy ủy quyền của nhà đầu tư nước ngoài cho đại diện giao dịch;*

*+ Phụ lục 11: Phiếu thông tin về đại diện giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài.*

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

*+ Trước khi có sự thay đổi, nhà đầu tư nước ngoài phải thông qua thành viên lưu ký thực hiện báo cáo với TTLK.*

*+ Yêu cầu về tính hợp lệ của hồ sơ:*

* *Ngoại trừ các tài liệu theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC, văn bản ủy quyền cho thành viên lưu ký, hợp đồng lưu ký và các tài liệu trích dẫn nội dung đăng tải từ trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý có thẩm quyền của nước ngoài, các tài liệu lập bằng tiếng nước ngoài phải được công chứng hoặc chứng thực theo pháp luật nước ngoài. Bản sao các tài liệu lập bằng tiếng Việt do cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức có thẩm quyền tại Việt Nam cấp được công chứng hoặc chứng thực phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam. Thời điểm công chứng hoặc chứng thực không quá một (01) năm, tính tới thời điểm nhà đầu từ nước ngoài nộp hồ sơ cho thành viên lưu ký;*
* *Ngoại trừ tài liệu bằng tiếng Anh hoặc bản dịch tiếng Anh đã được công chứng hoặc chứng thực theo pháp luật nước ngoài, tài liệu bằng các tiếng nước ngoài khác phải được dịch ra tiếng Việt. Việc dịch ra tiếng Việt được thực hiện bởi thành viên lưu ký hoặc bởi tổ chức dịch thuật hoạt động hợp pháp tại Việt Nam*.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

*+ Luật Chứng khoán ngày 29/6/2006;*

*+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010;*

*+ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;*

*+ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;*

*+ Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.*

*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung thay thế*

**Phụ lục 3/ Appendix 3**

**MẪU BÁO CÁO VỀ MỘT SỐ THAY ĐỔI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI (DO NHÀ ĐẦU TƯ LẬP)**

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên*

*thị trường chứng khoán Việt Nam)*

**REGISTRATION APPLICATION FORM FOR INFORMATION CHANGE**

Kính gửi: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

To: Vietnam Securities Depository

Tên nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign investor’s name:

Mã số giao dịch chứng khoán/ Securities Trading Code Number:

Nội dung thay đổi (Ghi N/A, nếu không có sự thay đổi phù hợp)

Content to change (Please mark N/A, if such item is not applicable)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nội dung cũ  Original Information | Nội dung mới  New Information |
| 1. | Thay đổi tên, địa chỉ/ Change of name/ address | |
|  | Tên cũ:  Original Name | Tên mới (nếu có)  New Name (if any) |
| Địa chỉ cũ  Original Address | Địa chỉ mới (nếu có)  New Address (if any) |
| Tel/Fax/Email | Tel/Fax/Email (if any/ nếu có) |
| Số đăng ký NSH | Số đăng ký NSH mới (nếu có) |
| 2. | Thay đổi thành viên lưu ký/ Change of local custodian | |
|  | Thành viên lưu ký cũ  Original Custodian | Thành viên lưu ký mới (nếu có)  New Custodian (if any) |
| Địa chỉ  Address | Địa chỉ  Address |
| Điện thoại  Tel/Fax | Điện thoại  Tel/Fax |
| Số tài khoản lưu ký | Số tài khoản lưu ký mới |
| 3. | Thay đổi ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp  Change of bank where the client open foreign indirect investment account | |
|  | Ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (cũ)  Old bank | Ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp mới (nếu có)  New bank |
| Địa chỉ  Address | Địa chỉ  Address |
| Điện thoại  Tel/Fax | Điện thoại  Tel/Fax |
| Số tài khoản vốn đầu tư gián tiếp cũ  Foreign Indirect Investment Account | Số tài khoản vốn đầu tư gián tiếp mới  New Foreign Indirect Investment Account (if any) |
| 4. | Thay đổi Đại diện giao dịch/ change of Trading Representative | |
|  | Đại diện giao dịch cũ  Old trading representative | Đại diện giao dịch mới (nếu có)  New trading representative |
| Tên/ Name:  Số CMT/hộ chiếu/ ID/ passport number: | Tên/ Name:  Số CMT/hộ chiếu/ ID/ passport number: |
| Địa chỉ liên lạc/ Address:  Điện thoại/ Tel: | Đại chỉ liên lạc/ Address:  Điện thoại/ Tel: |
| Số chứng chỉ hành nghề chứng khoán/ Professional License for Securities Trading | Số chứng chỉ hành nghề chứng khoán/ Professional License for Securities Trading |
| 5. | Chuyển danh mục/ Change of brokers | |
|  | Công ty chứng khoán chuyển danh mục (chỉ áp dụng trong trường hợp tài khoản chuyển và nhận là của cùng một nhà đầu tư)/ Old Broker (applicable if accounts are of same investor)  Địa chỉ  Address | Công ty chứng khoán nhận danh mục(chỉ áp dụng trong trường hợp tài khoản chuyển và nhận là của cùng một nhà đầu tư)/ New Broker firm (applicable if accounts are of same investor  Địa chỉ  Address |
| Điện thoại  Tel/Fax | Điện thoại  Tel/Fax |
| Tài khoản của nhà đầu tư (tên nhà đầu tư)  Investor’s Name | Tài khoản của nhà đầu tư: (tên nhà đầu tư)  Investor’s Name |
| Số tài khoản chuyển:  Sending Securities Account No | Số tài khoản nhận:  Receiving Securities Account No |
| 6. | Những thay đổi khác so với khi đăng ký mã số giao dịch như địa vị pháp lý, mô hình tổ chức hoạt động, đại diện có thẩm quyền … (liệt kê chi tiết) phải báo cáo theo quy định.  Other changes compared to information previously filled in application form such asType of applicant, Authorized Representative as Chairman of the Board of Director, President or CEO (Please fill in relevant detailed information, as appropriate)… shall be reported by law. | |
| 7. | Thông tin về người liên lạc/ Contact person | |
|  | Họ tên người liên lạc/ Name of contact person  Địa chỉ/ Address:  Điện thoại/Tel:  Email: | |
|  | Cam kết: (có hiệu lực kể từ ngày ký)  Declaration: (effective from the date this registration from is signed)  1. Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên và nội dung của toàn bộ hồ sơ và các tài liệu kèm theo là hoàn toàn chính xác, trung thực.  I hereby certify that all the imformation above is correct, the attached documents and the contents therein are true and accurate.  2. Tôi xin cam kết sẽ tuân thủ pháp luật Việt Nam, không có các hành vi giao dịch trái luật làm ảnh hưởng tới sự công bằng và trật tự thị trường tài chính, thị trường chứng khoán của Việt Nam.  I hereby undertake to comply to the Vietnamese law and not knowingly to take such measures to threatening to the stability or order of the Vietnam’s financial/ securities market.  3. Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng và đầy đủ.  I hereby undertake to takefull responsibility for the truthfulness and accuracy of the contents of this document. | |
|  | Hồ sơ kèm theo  Attachments | |
|  | Nhà đầu tư:  Applicant: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Tên và chữ ký của đại diện có thẩm quyền  Name and Signature  of Authorized Signatory: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Chức danh  Title: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Ngày thực hiện  Execution Date: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | |

**Phụ lục 10/ Appendix 10**

**VĂN BẢN CHỈ ĐỊNH/ GIẤY ỦY QUYỀN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CHO ĐẠI DIỆN GIAO DỊCH**

**POWER OF ATTORNEY FOR VIETNAM BASED**

**TRADING REPRESENTATIVE/ AGENT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên*

*thị trường chứng khoán Việt Nam)*

**I. Thông tin về các bên có liên quan**

**I. Information on relating parties**

**Chúng tôi là:**

**We,**

1. Tên đầy đủ, tên giao dịch, tên viết tắt của nhà đầu tư (ghi bằng chữ in hoa tên tổ chức nước ngoài – tên trên Giấy phép thành lập/ đăng ký kinh doanh)/ Full name, transaction name, abbreviation name of Investor (the names should be input in capital letter and consistent with that on Certificate of Incorporation/ Certification of business registration):
2. Loại hình nhà đầu tư/ Category: Cá nhân/ Individual ⁯ Tổ chức/ Institution ⁯
3. Địa chỉ trụ sở chính của nhà đầu tư /địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân):.......

Head office address:

Tel.......................fax............................email........................

1. Quốc tịch của nhà đầu tư/Certificate of Incorporation:
2. Giấy đăng ký NSH[[3]](#footnote-4)/ Business License number........................................................

Do/ issued by:……………………………… cấp ngày/ dated ………tháng………..năm………..

Có hiệu lực tới ngày/ valid to ………..tháng………….năm……………………………..

1. Mã số giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Code number (if any):

Ngày cấp/ issued on:

1. Tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có)/ Securities Custody number (if any):

Số tài khoản)/ Securities Custody number :.................................................. ..............................................

Mở tại Thành viên lưu ký (tên đầy đủ/tên viết tắt)/ Custodian name:............................... ............

Địa chỉ trụ sở chính của Thành viên lưu ký/ Address of the custodian...................................................

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số/ Depository License Number............do UBCKNN cấp ngày.....tháng.....năm......../ issued by State Securities Commission on............

1. Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Number:

Số tài khoản/ Securities Trading Number:.................................................. ..............................................

Mở tại Công ty chứng khoán (tên đầy đủ/tên viết tắt)/ Securities Company Name:............................... ............

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty chứng khoán/ Address of Securities Company...................................................

Giấy phép thành lập và hoạt động số............do UBCKNN cấp ngày.....tháng.....năm........Business License number....... issued by State Securties Commission on................

1. Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (nếu có)/ Foreign Indirect Investment Account Number:

Số tài khoản/ Account number:.................................................. ..............................................

Mở tại Thành viên lưu ký (tên đầy đủ/tên viết tắt)/ Bank name........................................

Địa chỉ trụ sở chính của Thành viên lưu ký/ Address:......................................................

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số............do UBCKNN cấp ngày.....tháng.....năm........Business License number .......issued by State Securities Commision dated......

1. Tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán tại ngân hàng (nếu có)/ Cash account for securities trading opened at a bank:

Số tài khoản/ Account number:...............................................................................................

Mở tại Ngân hàng (tên đầy đủ/tên viết tắt)/ at bank:..............................................

Địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng/ Address...................................................

Giấy phép thành lập và hoạt động số............do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày.....tháng.....năm........Business License number...............issued by State Bank on............

**Sau đây chỉ định/ hereby appoint**

Ông (Bà)/ Mr, Mrs:

1. Họ và tên/ Full Name: Giới tính/ Gender:
2. Ngày sinh/ DOB: Nơi sinh/ Place of birth:
3. Quốc tịch/ Nationality:
4. Số Hộ chiếu/CMND/Thẻ an sinh xã hội/ Passport number, ID/ Social Securities Number

Nơi cấp/ issued at: Ngày cấp/ issued on:

1. Số Chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán (CCHN)/ Securities / Professional Licence for Securities trading:

Ngày cấp/ issued on:

1. Nơi làm việc (tên đầy đủ, tên viết tắt của tổ chức nơi làm việc)/ Place of Work’s name:

Địa chỉ nơi làm việc/ Address

1. Tel: Fax: Email:
2. Địa chỉ thường trú/ Permanent Address:
3. Chỗ ở hiện nay tại nước ngoài/ Residence address:

Tel: Fax: Email:

1. Chỗ ở hiện nay tại Việt Nam (nếu có)/ Address in Vietnam

Tel: Fax: Email:

Là đại diện giao dịch duy nhất cho .......................................(tên nhà đầu tư nước ngoài), thực hiện việc giao dịch, quyền cổ đông, đại diện phần vốn góp, thực hiện việc báo cáo, công bố thông tin theo sự chỉ định, ủy quyền của .............................. (tên nhà đầu tư nước ngoài).

To be the sole trading representative for *<name of foreign institutional investor>*for trading activities, shareholder’s rights, reporting, information disclosure in accordance with the power of attorney of *<name of foreign institutional investor>.*

Giấy chỉ định này có hiệu lực cho đến khi có Văn bản chỉ định, ủy quyền hủy bỏ bằng văn bản của....................(tên nhà đầu tư nước ngoài).

This power of attorney shall be valid until <*Name of the foreign investor*> issues a written notice of revocation.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN GIAO DỊCH**  **TRADING REPRESENTATIVE**  *(Ký, ghi rõ họ tên)*  *(Signature, name, title)* | **ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI/ AUTHORIED SIGNATORY FROM FOREIGN INVESTOR**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)/**(Signature, name, title)* |

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÔNG CHỨNG HOẶC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**

**CERTIFIED BY AUTHORIZED NOTARY PUBLIC OR AUTHORIZED AUTHORITY**

**Phụ lục11/ Appendix 11**

**PHIẾU THÔNG TIN VỀ ĐẠI DIỆN GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU**

**TƯ NƯỚC NGOÀI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên*

*thị trường chứng khoán Việt Nam)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....,ngày ... tháng ... năm* ...

Place, date

**INFORMATION ON VIETNAM BASED TRADING**

**REPRESENTATIVE/ AGENT**

1. Họ và tên : Nam/ Nữ:

Full name: Gender:

Bí danh ( nếu có ):

Nickname (if any):

1. Ngày tháng năm sinh :

Date of birth:

1. Nơi sinh :

Place of birth:

1. Số chứng minh thư nhân dân (hoặc hộ chiếu, các tài liệu chứng thực khác):

ID card/Passport number (or other equivalent documents):

1. Quốc tịch :

Nationality:

1. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú :

Resident address:

1. Địa chỉ liên lạc (thường xuyên):

Permanent address:

Tel: Fax: Email:

1. Chỗ ở hiện nay tại nước ngoài:

Permanent addresss overseas:

Tel: Fax Email:

1. Chỗ ở hiện nay tại Việt Nam (nếu có):

Permanent address in Vietnam (if any):

Tel: Fax: Email:

1. Trình độ văn hoá:

Qualification:

1. Trình độ chuyên môn:

Major qualification:

1. Nơi làm việc (tên đầy đủ, tên viết tắt của tổ chức nơi làm việc):

Work for (Full name, abbreviated name of the employer):

Địa chỉ nơi làm việc:

Working address:

Tel: Fax: Email:

Vị trí công tác:

Position:

1. Chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán (CCHN):

Certificate on Conduting securities business:

Số: Loại CCHN: Nơi cấp:

Number: Type: Issued by:

1. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

Education background and Qualifications:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian**  **Time** | **Nơi đào tạo**  **Training organisation** | **Chuyên ngành đào tạo**  **Training major** |
|  |  |  |

1. Quá trình công tác (chi tiết về các nghề nghiệp, chức vụ, vị trí công tác đã qua, kết quả công tác tại từng vị trí):

Work experience (details on occupation, position, department, performance)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian**  **Time** | **Nơi làm việc**  **Employer** | **Chức vụ/Vị trí công**  **tác/Trách nhiệm**  **Position/ Department/Responsibilities** | **Kết quả công tác**  **Performance** |
|  |  |  |  |

1. Hoạt động giao dịch theo chỉ định của các nhà đầu tư trong và ngoài nước khác (nếu có):

Trading under power of attorney of other dosmestic and foreign investors (if any):

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  **No** | **Tên nhà đầu tư**  **Investor’s name** | **MSGD (nếu có)**  **Securities trading code (if any)** | **Tài khoản lưu ký/Thành viên lưu ký**  **Depostitory account/ member** | **Tài khoản giao dịch/Công ty chứng khoán**  **Trading Account/ Securities company** | **Thời hạn hợp đồng**  **Contractual period** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

1. Thông tin về tài khoản giao dịch cá nhân của đại diện giao dịch:

Information on personal trading account of Vietnam based trading representative/ agent:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT**  **No** | **Tên nhà đầu tư**  **Investor’s name** | **Tài khoản lưu ký/Thành viên lưu ký**  **Depository account/ member** | **Tài khoản giao dịch/Công ty chứng khoán**  **Trading account/ Securities company** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |

Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên.

I hereby commit to take full responsibilities for the earnestness, completion and exactness of the content of this Information form and all attached documents.

|  |  |
| --- | --- |
| **CERTIFIED BY AUTHORIZED AUTHORITY**  **(Local authority or Employer or diplomatic representative in Vietnam in case of foreign individual representative)** | **NGƯỜI KHAI**  **DECLARANT**  **(Ký, ghi rõ họ tên )**  **(Signature, full name)** |

**5. Thủ tục *Báo cáo chuyển danh mục đầu tư giữa các tài khoản lưu ký của nhà đầu tư nước ngoài***

**- Trình tự thực hiện:**

***+*** *Bước 1: Nhà đầu tư nước ngoài nộp hồ sơ báo cáo chuyển danh mục đầu tư giữa các tài khoản lưu ký của nhà đầu tư nước ngoài cho thành viên lưu ký. Thành viên lưu ký thẩm định và khai báo các thông tin theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (TTLK);*

*+ Bước 2: TTLK tiếp nhận thông tin khai báo.*

*(i)**Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận thông tin, TTLK chuyển danh mục đầu tư giữa các tài khoản lưu ký của nhà đầu tư nước ngoài và xác nhận điện tử trên hệ thống thông qua thành viên lưu ký.*

*(ii) Trường hợp từ chối, TTLK trả lời trên hệ thống và nêu rõ lý do.*

*+ Bước 3:Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận xác nhận điện tử, thành viên lưu ký nộp đầy đủ hồ sơ báo cáo chuyển danh mục đầu tư giữa các tài khoản lưu ký của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định cho TTLK;*

*+ Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ thành viên lưu ký, TTLK xác nhận bằng văn bản việc chuyển danh mục đầu tư giữa các tài khoản lưu ký của nhà đầu tư nước ngoài (qua thành viên lưu ký).*

**- Cách thức thực hiện:**

*+ Bước 1, bước 2: Thành viên lưu ký khai báo hồ sơ và TTLK trả lời hồ sơ trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến;*

*+ Bước 3: Thành viên lưu ký nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến địa chỉ trụ sở TTLK;*

*+ Bước 4: Thành viên lưu ký nhận văn bản xác nhận việc chuyển danh mục đầu tư giữa các tài khoản lưu ký của nhà đầu tư nước ngoài tại trụ sở TTLK.*

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*+ Thành phần hồ sơ:*

*(i) Báo cáo thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC (bản cứng hoặc bản sao điện SWIFT của ngân hàng lưu ký toàn cầu có xác nhận của thành viên lưu ký);*

*(ii) Bản sao văn bản ủy quyền của nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho thành viên lưu ký thực hiện báo cáo (nếu là thành viên lưu ký mới của nhà đầu tư);*

*(iii) Báo cáo chi tiết về danh mục đầu tư trên tài khoản lưu ký cũ theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC;*

*(iv) Hợp đồng nguyên tắc hoặc thông báo của thành viên lưu ký cũ về việc thanh lý hợp đồng lưu ký;*

*(v) Hợp đồng nguyên tắc về việc mở tài khoản lưu ký mới hoặc bản sao văn bản ủy quyền cho hoạt động lưu ký tại Việt Nam;*

*(vi) Hồ sơ đề nghị tất toán tài khoản lưu ký hoặc chuyển khoản chứng khoán theo hướng dẫn của TTLK.*

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:**

*+ Bước 2: 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận thông tin khai báo trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến;*

*+ Bước 4: 05 ngày làm việc kể từ ngày TTLK nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ thành viên lưu ký.*

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

*Thành viên lưu ký được ủy quyền thực hiện báo cáo.*

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: **Trung tâm Lưu ký Chứng khoán**

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: **Trung tâm Lưu ký Chứng khoán**

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Văn bản xác nhận việc chuyển danh mục đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài từ tài khoản lưu ký cũ sang tài khoản lưu ký mới.

**- Lệ phí (nếu có):** không có

**- Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai:** *ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.*

*+ Phụ lục 3: Báo cáo về một số thay đổi của nhà đầu tư nước ngoài (do nhà đầu tư lập);*

*+ Phụ lục 13: Thống kê danh mục đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài.*

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

*+ Trước khi có sự thay đổi, nhà đầu tư nước ngoài phải thông qua thành viên lưu ký thực hiện báo cáo với TTLK.*

*+ Yêu cầu về tính hợp lệ của hồ sơ:*

* *Ngoại trừ các tài liệu theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC, văn bản ủy quyền cho thành viên lưu ký, hợp đồng lưu ký và các tài liệu trích dẫn nội dung đăng tải từ trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý có thẩm quyền của nước ngoài, các tài liệu lập bằng tiếng nước ngoài phải được công chứng hoặc chứng thực theo pháp luật nước ngoài. Bản sao các tài liệu lập bằng tiếng Việt do cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức có thẩm quyền tại Việt Nam cấp được công chứng hoặc chứng thực phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam. Thời điểm công chứng hoặc chứng thực không quá một (01) năm, tính tới thời điểm nhà đầu từ nước ngoài nộp hồ sơ cho thành viên lưu ký;*
* *Ngoại trừ tài liệu bằng tiếng Anh hoặc bản dịch tiếng Anh đã được công chứng hoặc chứng thực theo pháp luật nước ngoài, tài liệu bằng các tiếng nước ngoài khác phải được dịch ra tiếng Việt. Việc dịch ra tiếng Việt được thực hiện bởi thành viên lưu ký hoặc bởi tổ chức dịch thuật hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.*

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

*+ Luật Chứng khoán ngày 29/6/2006;*

*+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010;*

*+ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;*

*+ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;*

*+ Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.*

*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung thay thế*

**Phụ lục 3/ Appendix 3**

**MẪU BÁO CÁO VỀ MỘT SỐ THAY ĐỔI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI (DO NHÀ ĐẦU TƯ LẬP)**

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên*

*thị trường chứng khoán Việt Nam)*

**REGISTRATION APPLICATION FORM FOR INFORMATION CHANGE**

Kính gửi: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

To: Vietnam Securities Depository

Tên nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign investor’s name:

Mã số giao dịch chứng khoán/ Securities Trading Code Number:

Nội dung thay đổi (Ghi N/A, nếu không có sự thay đổi phù hợp)

Content to change (Please mark N/A, if such item is not applicable)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nội dung cũ  Original Information | Nội dung mới  New Information |
| 1. | Thay đổi tên, địa chỉ/ Change of name/ address | |
|  | Tên cũ:  Original Name | Tên mới (nếu có)  New Name (if any) |
| Địa chỉ cũ  Original Address | Địa chỉ mới (nếu có)  New Address (if any) |
| Tel/Fax/Email | Tel/Fax/Email (if any/ nếu có) |
| Số đăng ký NSH | Số đăng ký NSH mới (nếu có) |
| 2. | Thay đổi thành viên lưu ký/ Change of local custodian | |
|  | Thành viên lưu ký cũ  Original Custodian | Thành viên lưu ký mới (nếu có)  New Custodian (if any) |
| Địa chỉ  Address | Địa chỉ  Address |
| Điện thoại  Tel/Fax | Điện thoại  Tel/Fax |
| Số tài khoản lưu ký | Số tài khoản lưu ký mới |
| 3. | Thay đổi ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp  Change of bank where the client open foreign indirect investment account | |
|  | Ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (cũ)  Old bank | Ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp mới (nếu có)  New bank |
| Địa chỉ  Address | Địa chỉ  Address |
| Điện thoại  Tel/Fax | Điện thoại  Tel/Fax |
| Số tài khoản vốn đầu tư gián tiếp cũ  Foreign Indirect Investment Account | Số tài khoản vốn đầu tư gián tiếp mới  New Foreign Indirect Investment Account (if any) |
| 4. | Thay đổi Đại diện giao dịch/ change of Trading Representative | |
|  | Đại diện giao dịch cũ  Old trading representative | Đại diện giao dịch mới (nếu có)  New trading representative |
| Tên/ Name:  Số CMT/hộ chiếu/ ID/ passport number: | Tên/ Name:  Số CMT/hộ chiếu/ ID/ passport number: |
| Địa chỉ liên lạc/ Address:  Điện thoại/ Tel: | Đại chỉ liên lạc/ Address:  Điện thoại/ Tel: |
| Số chứng chỉ hành nghề chứng khoán/ Professional License for Securities Trading | Số chứng chỉ hành nghề chứng khoán/ Professional License for Securities Trading |
| 5. | Chuyển danh mục/ Change of brokers | |
|  | Công ty chứng khoán chuyển danh mục (chỉ áp dụng trong trường hợp tài khoản chuyển và nhận là của cùng một nhà đầu tư)/ Old Broker (applicable if accounts are of same investor)  Địa chỉ  Address | Công ty chứng khoán nhận danh mục(chỉ áp dụng trong trường hợp tài khoản chuyển và nhận là của cùng một nhà đầu tư)/ New Broker firm (applicable if accounts are of same investor  Địa chỉ  Address |
| Điện thoại  Tel/Fax | Điện thoại  Tel/Fax |
| Tài khoản của nhà đầu tư (tên nhà đầu tư)  Investor’s Name | Tài khoản của nhà đầu tư: (tên nhà đầu tư)  Investor’s Name |
| Số tài khoản chuyển:  Sending Securities Account No | Số tài khoản nhận:  Receiving Securities Account No |
| 6. | Những thay đổi khác so với khi đăng ký mã số giao dịch như địa vị pháp lý, mô hình tổ chức hoạt động, đại diện có thẩm quyền … (liệt kê chi tiết) phải báo cáo theo quy định.  Other changes compared to information previously filled in application form such asType of applicant, Authorized Representative as Chairman of the Board of Director, President or CEO (Please fill in relevant detailed information, as appropriate)… shall be reported by law. | |
| 7. | Thông tin về người liên lạc/ Contact person | |
|  | Họ tên người liên lạc/ Name of contact person  Địa chỉ/ Address:  Điện thoại/Tel:  Email: | |
|  | Cam kết: (có hiệu lực kể từ ngày ký)  Declaration: (effective from the date this registration from is signed)  1. Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên và nội dung của toàn bộ hồ sơ và các tài liệu kèm theo là hoàn toàn chính xác, trung thực.  I hereby certify that all the imformation above is correct, the attached documents and the contents therein are true and accurate.  2. Tôi xin cam kết sẽ tuân thủ pháp luật Việt Nam, không có các hành vi giao dịch trái luật làm ảnh hưởng tới sự công bằng và trật tự thị trường tài chính, thị trường chứng khoán của Việt Nam.  I hereby undertake to comply to the Vietnamese law and not knowingly to take such measures to threatening to the stability or order of the Vietnam’s financial/ securities market.  3. Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng và đầy đủ.  I hereby undertake to takefull responsibility for the truthfulness and accuracy of the contents of this document. | |
|  | Hồ sơ kèm theo  Attachments | |
|  | Nhà đầu tư:  Applicant: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Tên và chữ ký của đại diện có thẩm quyền  Name and Signature  of Authorized Signatory: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Chức danh  Title: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Ngày thực hiện  Execution Date: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | |

**Phụ lục 13/ Appendix 13**

**MẪU THỐNG KÊ DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên*

*thị trường chứng khoán Việt Nam)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....,ngày ... tháng ... năm* ...

Place, date

##### **THỐNG KÊ DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán

1. **THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ**
2. Tên đầy đủ, tên giao dịch, tên viết tắt của nhà đầu tư (ghi bằng chữ in hoa tên tổ chức nước ngoài – tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)
3. Loại hình nhà đầu tư: Cá nhân ⁯ Tổ chức ⁯
4. Địa chỉ trụ sở chính của nhà đầu tư/địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân):.......

Tel.......................fax............................email........................

1. Quốc tịch của nhà đầu tư:
2. Giấy đăng ký NSH[[4]](#footnote-5)........................................................

Do:…………………………… cấp ngày………tháng………..năm………..(nếu có)

Có hiệu lực tới ngày………..tháng………….năm………………………… (nếu có)

1. Mã số giao dịch chứng khoán:

Ngày cấp:

1. Tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có):

Số tài khoản:.................................................. ..............................................

Mở tại Thành viên lưu ký (tên đầy đủ/tên viết tắt):............................... ............

Địa chỉ trụ sở chính của Thành viên lưu ký...................................................

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số............do UBCKNN cấp ngày.....tháng.....năm........

1. Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có):

Số tài khoản:.................................................. ..............................................

Mở tại Công ty chứng khoán (tên đầy đủ/tên viết tắt):............................... ............

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty chứng khoán...................................................

Giấy phép thành lập và hoạt động số............do UBCKNN cấp ngày.....tháng.....năm........

1. **THÔNG TIN VỀ DANH MỤC ĐẦU TƯ TRÊN TÀI KHOẢN LƯU KÝ DỰ KIẾN TẤT TOÁN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã chứng khoán** | **Khối lượng chứng khoán** | **Số tài khoản lưu ký** |
| A | Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ | | |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| ... |  |  |  |
| B | Tín phiếu |  |  |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| ... |  |  |  |
| C | Trái phiếu |  |  |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| ... |  |  |  |
| C | Các tài sản lưu ký khác |  |  |

Thời điểm thống kê danh mục:

Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực, đầy đủ chính xác của tài liệu này.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **LẬP BIỂU** | **KIỂM SOÁT** | **ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA THÀNH VIÊN LƯU KÝ**  *(Ký tên, đóng dấu, chức danh)* |

**6. Thủ tục *Báo cáo thay đổi ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp của nhà đầu tư nước ngoài***

**- Trình tự thực hiện:**

***+*** *Bước 1: Nhà đầu tư nước ngoài nộp hồ sơ báo cáo thay đổi ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp của nhà đầu tư nước ngoài cho thành viên lưu ký. Thành viên lưu ký thẩm định và khai báo các thông tin theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (TTLK);*

*+ Bước 2: TTLK tiếp nhận thông tin khai báo.*

*(i)**Trong thời hạn 01 ngày làm việc, TTLK điều chỉnh thông tin thay đổi ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp của nhà đầu tư nước ngoài và xác nhận điện tử trên hệ thống thông qua thành viên lưu ký.*

*(ii) Trường hợp từ chối, TTLK trả lời trên hệ thống và nêu rõ lý do.*

*+ Bước 3:Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận xác nhận điện tử, thành viên lưu ký nộp đầy đủ hồ sơ báo cáo thay đổi ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định cho TTLK;*

*+ Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ thành viên lưu ký, TTLK xác nhận bằng văn bản việc thay đổi ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp của nhà đầu tư nước ngoài (qua thành viên lưu ký).*

**- Cách thức thực hiện:**

*+ Bước 1, bước 2: Thành viên lưu ký khai báo hồ sơ và TTLK trả lời hồ sơ trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến;*

*+ Bước 3: Thành viên lưu ký nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến địa chỉ trụ sở TTLK;*

*+ Bước 4: Thành viên lưu ký nhận văn bản xác nhận việc thay đổi ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp của nhà đầu tư nước ngoài tại trụ sở TTLK.*

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*+ Thành phần hồ sơ:*

*(i) Báo cáo thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC (bản cứng hoặc bản sao điện SWIFT của ngân hàng lưu ký toàn cầu có xác nhận của thành viên lưu ký);*

*(ii) Bản sao văn bản ủy quyền của nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho thành viên lưu ký thực hiện báo cáo (nếu là thành viên lưu ký mới của nhà đầu tư);*

*(iii) Văn bản của ngân hàng xác nhận tài khoản vốn đầu tư gián tiếp mới.*

+Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:**

*+ Bước 2: 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận thông tin khai báo trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến;*

*+ Bước 4: 05 ngày làm việc kể từ ngày TTLK nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ thành viên lưu ký.*

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

*Thành viên lưu ký được ủy quyền thực hiện báo cáo.*

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: **Trung tâm Lưu ký Chứng khoán**

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: **Trung tâm Lưu ký Chứng khoán**

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

*Văn bản xác nhận việc thay đổi ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp của nhà đầu tư nước ngoài.*

**- Lệ phí (nếu có):** không có

**- Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai:** *ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.*

*+ Phụ lục 3: Báo cáo về một số thay đổi của nhà đầu tư nước ngoài (do nhà đầu tư lập).*

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

*+ Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi có sự thay đổi, nhà đầu tư nước ngoài phải thông qua thành viên lưu ký thực hiện báo cáo với TTLK.*

*+ Yêu cầu về tính hợp lệ của hồ sơ:*

* *Ngoại trừ các tài liệu theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC, văn bản ủy quyền cho thành viên lưu ký, hợp đồng lưu ký và các tài liệu trích dẫn nội dung đăng tải từ trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý có thẩm quyền của nước ngoài, các tài liệu lập bằng tiếng nước ngoài phải được công chứng hoặc chứng thực theo pháp luật nước ngoài. Bản sao các tài liệu lập bằng tiếng Việt do cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức có thẩm quyền tại Việt Nam cấp được công chứng hoặc chứng thực phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam. Thời điểm công chứng hoặc chứng thực không quá một (01) năm, tính tới thời điểm nhà đầu từ nước ngoài nộp hồ sơ cho thành viên lưu ký;*
* *Ngoại trừ tài liệu bằng tiếng Anh hoặc bản dịch tiếng Anh đã được công chứng hoặc chứng thực theo pháp luật nước ngoài, tài liệu bằng các tiếng nước ngoài khác phải được dịch ra tiếng Việt. Việc dịch ra tiếng Việt được thực hiện bởi thành viên lưu ký hoặc bởi tổ chức dịch thuật hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.*

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

*+ Luật Chứng khoán ngày 29/6/2006;*

*+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010;*

*+ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;*

*+ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;*

*+ Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.*

*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung thay thế*

**Phụ lục 3/ Appendix 3**

**MẪU BÁO CÁO VỀ MỘT SỐ THAY ĐỔI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI (DO NHÀ ĐẦU TƯ LẬP)**

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên*

*thị trường chứng khoán Việt Nam)*

**REGISTRATION APPLICATION FORM FOR INFORMATION CHANGE**

Kính gửi: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

To: Vietnam Securities Depository

Tên nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign investor’s name:

Mã số giao dịch chứng khoán/ Securities Trading Code Number:

Nội dung thay đổi (Ghi N/A, nếu không có sự thay đổi phù hợp)

Content to change (Please mark N/A, if such item is not applicable)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nội dung cũ  Original Information | Nội dung mới  New Information |
| 1. | Thay đổi tên, địa chỉ/ Change of name/ address | |
|  | Tên cũ:  Original Name | Tên mới (nếu có)  New Name (if any) |
| Địa chỉ cũ  Original Address | Địa chỉ mới (nếu có)  New Address (if any) |
| Tel/Fax/Email | Tel/Fax/Email (if any/ nếu có) |
| Số đăng ký NSH | Số đăng ký NSH mới (nếu có) |
| 2. | Thay đổi thành viên lưu ký/ Change of local custodian | |
|  | Thành viên lưu ký cũ  Original Custodian | Thành viên lưu ký mới (nếu có)  New Custodian (if any) |
| Địa chỉ  Address | Địa chỉ  Address |
| Điện thoại  Tel/Fax | Điện thoại  Tel/Fax |
| Số tài khoản lưu ký | Số tài khoản lưu ký mới |
| 3. | Thay đổi ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp  Change of bank where the client open foreign indirect investment account | |
|  | Ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (cũ)  Old bank | Ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp mới (nếu có)  New bank |
| Địa chỉ  Address | Địa chỉ  Address |
| Điện thoại  Tel/Fax | Điện thoại  Tel/Fax |
| Số tài khoản vốn đầu tư gián tiếp cũ  Foreign Indirect Investment Account | Số tài khoản vốn đầu tư gián tiếp mới  New Foreign Indirect Investment Account (if any) |
| 4. | Thay đổi Đại diện giao dịch/ change of Trading Representative | |
|  | Đại diện giao dịch cũ  Old trading representative | Đại diện giao dịch mới (nếu có)  New trading representative |
| Tên/ Name:  Số CMT/hộ chiếu/ ID/ passport number: | Tên/ Name:  Số CMT/hộ chiếu/ ID/ passport number: |
| Địa chỉ liên lạc/ Address:  Điện thoại/ Tel: | Đại chỉ liên lạc/ Address:  Điện thoại/ Tel: |
| Số chứng chỉ hành nghề chứng khoán/ Professional License for Securities Trading | Số chứng chỉ hành nghề chứng khoán/ Professional License for Securities Trading |
| 5. | Chuyển danh mục/ Change of brokers | |
|  | Công ty chứng khoán chuyển danh mục (chỉ áp dụng trong trường hợp tài khoản chuyển và nhận là của cùng một nhà đầu tư)/ Old Broker (applicable if accounts are of same investor)  Địa chỉ  Address | Công ty chứng khoán nhận danh mục(chỉ áp dụng trong trường hợp tài khoản chuyển và nhận là của cùng một nhà đầu tư)/ New Broker firm (applicable if accounts are of same investor  Địa chỉ  Address |
| Điện thoại  Tel/Fax | Điện thoại  Tel/Fax |
| Tài khoản của nhà đầu tư (tên nhà đầu tư)  Investor’s Name | Tài khoản của nhà đầu tư: (tên nhà đầu tư)  Investor’s Name |
| Số tài khoản chuyển:  Sending Securities Account No | Số tài khoản nhận:  Receiving Securities Account No |
| 6. | Những thay đổi khác so với khi đăng ký mã số giao dịch như địa vị pháp lý, mô hình tổ chức hoạt động, đại diện có thẩm quyền … (liệt kê chi tiết) phải báo cáo theo quy định.  Other changes compared to information previously filled in application form such asType of applicant, Authorized Representative as Chairman of the Board of Director, President or CEO (Please fill in relevant detailed information, as appropriate)… shall be reported by law. | |
| 7. | Thông tin về người liên lạc/ Contact person | |
|  | Họ tên người liên lạc/ Name of contact person  Địa chỉ/ Address:  Điện thoại/Tel:  Email: | |
|  | Cam kết: (có hiệu lực kể từ ngày ký)  Declaration: (effective from the date this registration from is signed)  1. Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên và nội dung của toàn bộ hồ sơ và các tài liệu kèm theo là hoàn toàn chính xác, trung thực.  I hereby certify that all the imformation above is correct, the attached documents and the contents therein are true and accurate.  2. Tôi xin cam kết sẽ tuân thủ pháp luật Việt Nam, không có các hành vi giao dịch trái luật làm ảnh hưởng tới sự công bằng và trật tự thị trường tài chính, thị trường chứng khoán của Việt Nam.  I hereby undertake to comply to the Vietnamese law and not knowingly to take such measures to threatening to the stability or order of the Vietnam’s financial/ securities market.  3. Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng và đầy đủ.  I hereby undertake to takefull responsibility for the truthfulness and accuracy of the contents of this document. | |
|  | Hồ sơ kèm theo  Attachments | |
|  | Nhà đầu tư:  Applicant: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Tên và chữ ký của đại diện có thẩm quyền  Name and Signature  of Authorized Signatory: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Chức danh  Title: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Ngày thực hiện  Execution Date: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | |

**7. Thủ tục *Báo cáo thay đổi tên nhà đầu tư nước ngoài***

**- Trình tự thực hiện:**

***+*** *Bước 1: Nhà đầu tư nước ngoài nộp hồ sơ báo cáo thay đổi tên nhà đầu tư nước ngoài cho thành viên lưu ký. Thành viên lưu ký thẩm định và khai báo các thông tin theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (TTLK);*

*+ Bước 2: TTLK tiếp nhận thông tin khai báo.*

*(i)**Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận thông tin, TTLK điều chỉnh thông tin thay đổi tên nhà đầu tư nước ngoài và xác nhận điện tử trên hệ thống thông qua thành viên lưu ký.*

*(ii) Trường hợp từ chối, TTLK trả lời trên hệ thống và nêu rõ lý do.*

*+ Bước 3:Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận xác nhận điện tử, thành viên lưu ký nộp đầy đủ hồ sơ báo cáo thay đổi tên nhà đầu tư nước ngoài theo quy định cho TTLK;*

*+ Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ thành viên lưu ký, TTLK xác nhận bằng văn bản việc thay đổi tên nhà đầu tư nước ngoài (qua thành viên lưu ký).*

**- Cách thức thực hiện:**

*+ Bước 1, bước 2: Thành viên lưu ký khai báo hồ sơ và TTLK trả lời hồ sơ trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến;*

*+ Bước 3: Thành viên lưu ký nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến địa chỉ trụ sở TTLK;*

*+ Bước 4: Thành viên lưu ký nhận văn bản xác nhận việc thay đổi tên nhà đầu tư nước ngoài tại trụ sở TTLK.*

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*+ Thành phần hồ sơ:*

*(i) Báo cáo thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC (bản cứng hoặc bản sao điện SWIFT của ngân hàng lưu ký toàn cầu có xác nhận của thành viên lưu ký);*

*(ii) Bản sao văn bản ủy quyền của nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho thành viên lưu ký thực hiện báo cáo (nếu là thành viên lưu ký mới của nhà đầu tư);*

*(iii) Tài liệu nhận diện nhà đầu tư nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC;*

*(vi) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kinh doanh đã thay đổi tên, hoặc*

* *Giấy phép thành lập và hoạt động đã thay đổi tên, hoặc*
* *Tài liệu tương đương xác minh nhà đầu tư nước ngoài đã thay đổi tên gọi, bao gồm tên cũ và tên mới của nhà đầu tư nước ngoài, hoặc*
* *Bản cáo bạch / tài liệu tương đương của quỹ nước ngoài đã được đăng trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nước ngoài nơi quỹ được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập và hoạt động có ghi rõ việc đổi tên, hoặc*
* *Tài liệu khác do cơ quan quản lý nước ngoài cấp hoặc trích dẫn địa chỉ và thông tin đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý với tên gọi mới( với số giấy phép thành lập hoặc số giấy đăng ký kinh doanh hoặc mã số thuế hoặc số tham chiếu khác không thay đổi), hoặc*
* *Các tài liệu khác ghi tên mới kèm theo xác nhận của công chứng viên nước ngoài về việc thay đổi tên của nhà đầu tư nước ngoài.*

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:**

*+ Bước 2: 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận thông tin khai báo trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến;*

*+ Bước 4: 05 ngày làm việc kể từ ngày TTLK nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ thành viên lưu ký.*

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

*Thành viên lưu ký được ủy quyền thực hiện báo cáo.*

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: **Trung tâm Lưu ký Chứng khoán**

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: **Trung tâm Lưu ký Chứng khoán**

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Văn bản xác nhận việc thay đổi tên nhà đầu tư nước ngoài.

**- Lệ phí (nếu có):** không có

**- Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai:** *ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.*

*+ Phụ lục 3: Báo cáo về một số thay đổi của nhà đầu tư nước ngoài (do nhà đầu tư lập);*

*+ Phụ lục 12: Tài liệu nhận diện nhà đầu tư.*

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

*+ Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi có sự thay đổi, nhà đầu tư nước ngoài phải thông qua thành viên lưu ký thực hiện báo cáo với TTLK.*

*+ Yêu cầu về tính hợp lệ của hồ sơ:*

* *Ngoại trừ các tài liệu theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC, văn bản ủy quyền cho thành viên lưu ký, hợp đồng lưu ký và các tài liệu trích dẫn nội dung đăng tải từ trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý có thẩm quyền của nước ngoài, các tài liệu lập bằng tiếng nước ngoài phải được công chứng hoặc chứng thực theo pháp luật nước ngoài. Bản sao các tài liệu lập bằng tiếng Việt do cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức có thẩm quyền tại Việt Nam cấp được công chứng hoặc chứng thực phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam. Thời điểm công chứng hoặc chứng thực không quá một (01) năm, tính tới thời điểm nhà đầu từ nước ngoài nộp hồ sơ cho thành viên lưu ký;*
* *Ngoại trừ tài liệu bằng tiếng Anh hoặc bản dịch tiếng Anh đã được công chứng hoặc chứng thực theo pháp luật nước ngoài, tài liệu bằng các tiếng nước ngoài khác phải được dịch ra tiếng Việt. Việc dịch ra tiếng Việt được thực hiện bởi thành viên lưu ký hoặc bởi tổ chức dịch thuật hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.*

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

*+ Luật Chứng khoán ngày 29/6/2006;*

*+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010;*

*+ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;*

*+ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;*

*+ Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.*

*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung thay thế*

**Phụ lục 3/ Appendix 3**

**MẪU BÁO CÁO VỀ MỘT SỐ THAY ĐỔI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI (DO NHÀ ĐẦU TƯ LẬP)**

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên*

*thị trường chứng khoán Việt Nam)*

**REGISTRATION APPLICATION FORM FOR INFORMATION CHANGE**

Kính gửi: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

To: Vietnam Securities Depository

Tên nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign investor’s name:

Mã số giao dịch chứng khoán/ Securities Trading Code Number:

Nội dung thay đổi (Ghi N/A, nếu không có sự thay đổi phù hợp)

Content to change (Please mark N/A, if such item is not applicable)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nội dung cũ  Original Information | Nội dung mới  New Information |
| 1. | Thay đổi tên, địa chỉ/ Change of name/ address | |
|  | Tên cũ:  Original Name | Tên mới (nếu có)  New Name (if any) |
| Địa chỉ cũ  Original Address | Địa chỉ mới (nếu có)  New Address (if any) |
| Tel/Fax/Email | Tel/Fax/Email (if any/ nếu có) |
| Số đăng ký NSH | Số đăng ký NSH mới (nếu có) |
| 2. | Thay đổi thành viên lưu ký/ Change of local custodian | |
|  | Thành viên lưu ký cũ  Original Custodian | Thành viên lưu ký mới (nếu có)  New Custodian (if any) |
| Địa chỉ  Address | Địa chỉ  Address |
| Điện thoại  Tel/Fax | Điện thoại  Tel/Fax |
| Số tài khoản lưu ký | Số tài khoản lưu ký mới |
| 3. | Thay đổi ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp  Change of bank where the client open foreign indirect investment account | |
|  | Ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (cũ)  Old bank | Ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp mới (nếu có)  New bank |
| Địa chỉ  Address | Địa chỉ  Address |
| Điện thoại  Tel/Fax | Điện thoại  Tel/Fax |
| Số tài khoản vốn đầu tư gián tiếp cũ  Foreign Indirect Investment Account | Số tài khoản vốn đầu tư gián tiếp mới  New Foreign Indirect Investment Account (if any) |
| 4. | Thay đổi Đại diện giao dịch/ change of Trading Representative | |
|  | Đại diện giao dịch cũ  Old trading representative | Đại diện giao dịch mới (nếu có)  New trading representative |
| Tên/ Name:  Số CMT/hộ chiếu/ ID/ passport number: | Tên/ Name:  Số CMT/hộ chiếu/ ID/ passport number: |
| Địa chỉ liên lạc/ Address:  Điện thoại/ Tel: | Đại chỉ liên lạc/ Address:  Điện thoại/ Tel: |
| Số chứng chỉ hành nghề chứng khoán/ Professional License for Securities Trading | Số chứng chỉ hành nghề chứng khoán/ Professional License for Securities Trading |
| 5. | Chuyển danh mục/ Change of brokers | |
|  | Công ty chứng khoán chuyển danh mục (chỉ áp dụng trong trường hợp tài khoản chuyển và nhận là của cùng một nhà đầu tư)/ Old Broker (applicable if accounts are of same investor)  Địa chỉ  Address | Công ty chứng khoán nhận danh mục(chỉ áp dụng trong trường hợp tài khoản chuyển và nhận là của cùng một nhà đầu tư)/ New Broker firm (applicable if accounts are of same investor  Địa chỉ  Address |
| Điện thoại  Tel/Fax | Điện thoại  Tel/Fax |
| Tài khoản của nhà đầu tư (tên nhà đầu tư)  Investor’s Name | Tài khoản của nhà đầu tư: (tên nhà đầu tư)  Investor’s Name |
| Số tài khoản chuyển:  Sending Securities Account No | Số tài khoản nhận:  Receiving Securities Account No |
| 6. | Những thay đổi khác so với khi đăng ký mã số giao dịch như địa vị pháp lý, mô hình tổ chức hoạt động, đại diện có thẩm quyền … (liệt kê chi tiết) phải báo cáo theo quy định.  Other changes compared to information previously filled in application form such asType of applicant, Authorized Representative as Chairman of the Board of Director, President or CEO (Please fill in relevant detailed information, as appropriate)… shall be reported by law. | |
| 7. | Thông tin về người liên lạc/ Contact person | |
|  | Họ tên người liên lạc/ Name of contact person  Địa chỉ/ Address:  Điện thoại/Tel:  Email: | |
|  | Cam kết: (có hiệu lực kể từ ngày ký)  Declaration: (effective from the date this registration from is signed)  1. Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên và nội dung của toàn bộ hồ sơ và các tài liệu kèm theo là hoàn toàn chính xác, trung thực.  I hereby certify that all the imformation above is correct, the attached documents and the contents therein are true and accurate.  2. Tôi xin cam kết sẽ tuân thủ pháp luật Việt Nam, không có các hành vi giao dịch trái luật làm ảnh hưởng tới sự công bằng và trật tự thị trường tài chính, thị trường chứng khoán của Việt Nam.  I hereby undertake to comply to the Vietnamese law and not knowingly to take such measures to threatening to the stability or order of the Vietnam’s financial/ securities market.  3. Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng và đầy đủ.  I hereby undertake to takefull responsibility for the truthfulness and accuracy of the contents of this document. | |
|  | Hồ sơ kèm theo  Attachments | |
|  | Nhà đầu tư:  Applicant: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Tên và chữ ký của đại diện có thẩm quyền  Name and Signature  of Authorized Signatory: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Chức danh  Title: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Ngày thực hiện  Execution Date: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | |

**Phụ lục 12/ Appendix 12**

**TÀI LIỆU NHẬN DIỆN NHÀ ĐẦU TƯ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên*

*thị trường chứng khoán Việt Nam)*

1. Tài liệu nhận diện nhà đầu tư nước ngoài:

(i) Đối với nhà đầu tư là tổ chức

- Bản sao hợp lệ giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (certificate for business registration) hoặc tài liệu tương đương do cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài cấp, xác nhận đã hoàn tất việc đăng ký kinh doanh; giấy phép thành lập tổ chức và chi nhánh tại Việt Nam (đối với chi nhánh của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam); hoặc

- Giấy đăng ký thuế của cơ quan thuế nước nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh; hoặc

- Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, hoặc tài liệu tương đương do cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài cấp (nếu có) hoặc xác nhận việc đăng ký thành lập.

Trường hợp là quỹ đầu cơ (hedge fund), tài liệu bắt buộc bổ sung bao gồm: điều lệ quỹ; hoặc tài liệu khác giải thích chi tiết về chiến lược đầu tư của quỹ.

Trường hợp theo quy định của pháp luật nước ngoài, cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài không cấp hoặc xác nhận việc lập quỹ, quỹ đầu tư nước ngoài có thể nộp một trong các tài liệu sau đây để thay thế:

- Tài liệu trích lục từ trang thông tin điện tử (website) của cơ quan quản lý có thẩm quyền ở nước ngoài; hoặc

- Điều lệ quỹ (the articles of incorporation, the fund charter), bản cáo bạch; hoặc

- Hợp đồng tín thác (trust deed/trust agreement/ fund contract); hoặc biên bản thỏa thuận góp vốn (memorandum for private placement, establishment contract); hoặc

- Giấy đăng ký thuế của cơ quan thuế của quốc gia nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh; hoặc

- Tài liệu khác theo hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Trường hợp quỹ đầu tư nước ngoài, tổ chức đầu tư nước ngoài được đăng ký nhiều mã số giao dịch chứng khoán (quỹ MIMF, quỹ/tổ chức đầu tư thuộc Chính phủ hoặc liên Chính phủ). Tài liệu bổ sung bao gồm:

Đối với quỹ MIMF: Điều lệ quỹ hoặc bản cáo bạch hoặc hợp đồng quản lý đầu tư (Investment management agreement) hoặc các văn bản tương đương (hợp đồng tín thác hoặc văn bản thành lập, tài liệu giới thiệu sản phẩm quỹ xác minh quỹ, tổ chức đầu tư được quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ khác nhau, kèm theo thông tin chi tiết về tên đầy đủ, tên viết tắt (nếu có), nơi thành lập của các công ty quản lý quỹ tham gia quản lý;

Đối với tổ chức đầu tư nước ngoàithuộc Chính phủ nước ngoài hoặc liên Chính phủ được đăng ký cho mỗi danh mục đầu tư một mã số giao dịch chứng khoán: Điều lệ hoặc bản cáo bạch hoặc các văn bản tương đương (hợp đồng tín thác hoặc văn bản thành lập, bản cáo bạch, tài liệu giới thiệu sản phẩm, quy định pháp lý, các tài liệu do Chính phủ ban hành quy định rõ tổ chức dự kiến đăng ký mã số giao dịch là tổ chức trực thuộc chính phủ, hoặc liên chính phủ và có nhiều danh mục tách biệt, độc lập; kèm theo thông tin về các chính phủ là thành viên tham gia tổ chức đầu tư nêu trên; tên đầy đủ, tên viết tắt, nơi thành lập của các công ty quản lý quỹ tham gia quản lý (nếu có);

(ii) Đối với tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán là bộ phận kinh doanh hạch toán độc lập với hội sở chính; hoặc công ty con thuộc sở hữu 100% vốn của tập đoàn kinh tế đa quốc gia đã được cấp mã số giao dịch chứng khoán; hoặc các quỹ, quỹ con (sub-fund) của cùng một quỹ (master fund, feeder fund); hoặc các danh mục đầu tư của cùng một quỹ hoặc của cùng một tổ chức nước ngoài đã được cấp mã số giao dịch chứng khoán (trong trường hợp quỹ, tổ chức nước ngoài được quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ - Multiple Investment Managers Fund hoặc các danh mục đầu tư của cùng một tổ chức nước ngoài thuộc Chính phủ nước ngoài hoặc liên Chính phủ);

- Tài liệu xác minh mối quan hệ giữa tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán và tổ chức đã được cấp mã số giao dịch chứng khoán, xác minh sự tách biệt, độc lập các danh mục đầu tư của cùng một tổ chức đầu tư, bao gồm Văn bản do cơ quan có thẩm quyền ở nước sở tại nơi tổ chức đó đăng ký cấp (nếu có) hoặc hợp đồng quản lý đầu tư hoặc bản cáo bạch hoặc các tài liệu khác chứng minh mối quan hệ nêu trên hoặc một trong tài liệu thay thế khác mà Trung tâm Lưu ký Chứng khoán xét thấy là cần thiết;

- Bản sao giấy đăng ký mã số giao dịch chứng khoán do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp trước đây;

Trường hợp các tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán/báo cáo thay đổi thông tin tại cùng thời điểm và có các tài liệu đi kèm giống nhau, tổ chức đầu tư nước ngoài chỉ cần nộp một bộ gốc các tài liệu đó.

(iii) Đối với công ty chứng khoán nước ngoài đã được cấp một mã số giao dịch chứng khoán và đề nghị cấp bổ sung thêm mã số giao dịch chứng khoán:

- Bản sao giấy đăng ký mã số giao dịch chứng khoán do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp trước đây.

2. Xác thực chữ ký của người có thẩm quyền

- Trường hợp tổ chức nước ngoài có con dấu riêng, thay bằng việc bổ sung hồ sơ chứng minh thẩm quyền của đại diện có thẩm quyền quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 2 Thông tư này, tổ chức đó chỉ cần sử dụng con dấu của mình cùng với chữ ký của đại diện có thẩm quyền tại hồ sơ xin cấp mã số giao dịch chứng khoán;

- Trường hợp có liên quan tới tài sản của khách hàng (nhà đầu tư nước ngoài) trong việc đóng tài khoản, chuyển khoản, tất toán tài khoản, thì Trung tâm Lưu ký Chứng khoán có thể xem xét yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài bổ sung văn bản chứng thực chữ ký của đại diện có thẩm quyền nhằm hạn chế rủi ro thất thoát tài sản của khách hàng.

- Trường hợp người ký báo cáo thay đổi thông tin là người đã ký trên hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán thì không cần tài liệu xác minh thẩm quyền của người ký.

3. Công chứng, chứng thực

Công chứng, chứng thực có thể được thực hiện theo một trong các cách sau:

- Đại diện của tổ chức đầu tư nước ngoài chứng thực tài liệu trước mặt công chứng viên. Sau đó công chứng viên xác nhận danh tính (tên) của đại diện có thẩm quyền này;

- Công chứng viên sao y tài liệu trực tiếp;

- Công chứng chứng thực theo các cách khác phù hợp với quy định pháp luật của nước ngoài.

**8. Thủ tục *Báo cáo thay đổi liên quan đến việc nhận diện nhà đầu tư nước ngoài***

*(gồm: thay đổi trụ sở chính; địa chỉ liên lạc của nhà đầu tư hoặc của đại diện giao dịch; thay đổi số hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; số giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương nhận diện nhà đầu tư tổ chức nước ngoài do cơ quan quản lý nước ngoài cấp; thay đổi do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại)*

**- Trình tự thực hiện:**

***+*** *Bước 1: Nhà đầu tư nước ngoài nộp hồ sơ báo cáo thay đổi liên quan đến việc nhận diện nhà đầu tư nước ngoài cho thành viên lưu ký. Thành viên lưu ký thẩm định và khai báo các thông tin theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (TTLK);*

*+ Bước 2: TTLK tiếp nhận thông tin khai báo.*

*(i)**Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận thông tin, TTLK điều chỉnh thông tin thay đổi liên quan đến việc nhận diện nhà đầu tư nước ngoài và xác nhận điện tử trên hệ thống thông qua thành viên lưu ký.*

*(ii) Trường hợp từ chối, TTLK trả lời trên hệ thống và nêu rõ lý do.*

*+ Bước 3:Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận xác nhận điện tử, thành viên lưu ký nộp đầy đủ hồ sơ báo cáo thay đổi liên quan đến việc nhận diện nhà đầu tư nước ngoài theo quy định cho TTLK;*

*+ Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ thành viên lưu ký, TTLK xác nhận bằng văn bản việc thay đổi liên quan đến việc nhận diện nhà đầu tư nước ngoài (qua thành viên lưu ký).*

**- Cách thức thực hiện:**

*+ Bước 1, bước 2: Thành viên lưu ký khai báo hồ sơ và TTLK trả lời hồ sơ trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến;*

*+ Bước 3: Thành viên lưu ký nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến địa chỉ trụ sở TTLK;*

*+ Bước 4: Thành viên lưu ký nhận văn bản xác nhận việc thay đổi liên quan đến việc nhận diện nhà đầu tư nước ngoài tại trụ sở TTLK.*

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*+ Thành phần hồ sơ:*

*(i) Báo cáo thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC (bản cứng hoặc bản sao điện SWIFT của ngân hàng lưu ký toàn cầu có xác nhận của thành viên lưu ký);*

*(ii) Bản sao văn bản ủy quyền của nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho thành viên lưu ký thực hiện báo cáo (nếu là thành viên lưu ký mới của nhà đầu tư);*

*(iii) Tài liệu nhận diện nhà đầu tư nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC;*

*(vi) Trường hợp thay đổi số hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân, bổ sung Bản sao hợp lệ hộ chiếu mới hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác;*

*(v) Trường hợp thay đổi trụ sở chính, địa chỉ liên lạc, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và các nội dung, bổ sung Bản sao hợp lệ các tài liệu xác minh có liên quan đến việc thay đổi.*

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:**

*+ Bước 2: 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận thông tin khai báo trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến;*

*+ Bước 4: 05 ngày làm việc kể từ ngày TTLK nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ thành viên lưu ký.*

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

*Thành viên lưu ký được ủy quyền thực hiện báo cáo.*

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: **Trung tâm Lưu ký Chứng khoán**

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: **Trung tâm Lưu ký Chứng khoán**

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Văn bản xác nhận việc thay đổi liên quan đến việc nhận diện nhà đầu tư nước ngoài.

**- Lệ phí (nếu có):** không có

**- Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai:** *ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.*

*+ Phụ lục 3: Báo cáo về một số thay đổi của nhà đầu tư nước ngoài (do nhà đầu tư lập);*

*+ Phụ lục 12: Tài liệu nhận diện nhà đầu tư.*

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

*+ Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi có sự thay đổi, nhà đầu tư nước ngoài phải thông qua thành viên lưu ký thực hiện báo cáo với TTLK.*

*+ Yêu cầu về tính hợp lệ của hồ sơ:*

* *Ngoại trừ các tài liệu theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC, văn bản ủy quyền cho thành viên lưu ký, hợp đồng lưu ký và các tài liệu trích dẫn nội dung đăng tải từ trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý có thẩm quyền của nước ngoài, các tài liệu lập bằng tiếng nước ngoài phải được công chứng hoặc chứng thực theo pháp luật nước ngoài. Bản sao các tài liệu lập bằng tiếng Việt do cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức có thẩm quyền tại Việt Nam cấp được công chứng hoặc chứng thực phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam. Thời điểm công chứng hoặc chứng thực không quá một (01) năm, tính tới thời điểm nhà đầu từ nước ngoài nộp hồ sơ cho thành viên lưu ký;*
* *Ngoại trừ tài liệu bằng tiếng Anh hoặc bản dịch tiếng Anh đã được công chứng hoặc chứng thực theo pháp luật nước ngoài, tài liệu bằng các tiếng nước ngoài khác phải được dịch ra tiếng Việt. Việc dịch ra tiếng Việt được thực hiện bởi thành viên lưu ký hoặc bởi tổ chức dịch thuật hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.*

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

*+ Luật Chứng khoán ngày 29/6/2006;*

*+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010;*

*+ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;*

*+ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;*

*+ Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.*

*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung thay thế*

**Phụ lục 3/ Appendix 3**

**MẪU BÁO CÁO VỀ MỘT SỐ THAY ĐỔI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI (DO NHÀ ĐẦU TƯ LẬP)**

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên*

*thị trường chứng khoán Việt Nam)*

**REGISTRATION APPLICATION FORM FOR INFORMATION CHANGE**

Kính gửi: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

To: Vietnam Securities Depository

Tên nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign investor’s name:

Mã số giao dịch chứng khoán/ Securities Trading Code Number:

Nội dung thay đổi (Ghi N/A, nếu không có sự thay đổi phù hợp)

Content to change (Please mark N/A, if such item is not applicable)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nội dung cũ  Original Information | Nội dung mới  New Information |
| 1. | Thay đổi tên, địa chỉ/ Change of name/ address | |
|  | Tên cũ:  Original Name | Tên mới (nếu có)  New Name (if any) |
| Địa chỉ cũ  Original Address | Địa chỉ mới (nếu có)  New Address (if any) |
| Tel/Fax/Email | Tel/Fax/Email (if any/ nếu có) |
| Số đăng ký NSH | Số đăng ký NSH mới (nếu có) |
| 2. | Thay đổi thành viên lưu ký/ Change of local custodian | |
|  | Thành viên lưu ký cũ  Original Custodian | Thành viên lưu ký mới (nếu có)  New Custodian (if any) |
| Địa chỉ  Address | Địa chỉ  Address |
| Điện thoại  Tel/Fax | Điện thoại  Tel/Fax |
| Số tài khoản lưu ký | Số tài khoản lưu ký mới |
| 3. | Thay đổi ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp  Change of bank where the client open foreign indirect investment account | |
|  | Ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (cũ)  Old bank | Ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp mới (nếu có)  New bank |
| Địa chỉ  Address | Địa chỉ  Address |
| Điện thoại  Tel/Fax | Điện thoại  Tel/Fax |
| Số tài khoản vốn đầu tư gián tiếp cũ  Foreign Indirect Investment Account | Số tài khoản vốn đầu tư gián tiếp mới  New Foreign Indirect Investment Account (if any) |
| 4. | Thay đổi Đại diện giao dịch/ change of Trading Representative | |
|  | Đại diện giao dịch cũ  Old trading representative | Đại diện giao dịch mới (nếu có)  New trading representative |
| Tên/ Name:  Số CMT/hộ chiếu/ ID/ passport number: | Tên/ Name:  Số CMT/hộ chiếu/ ID/ passport number: |
| Địa chỉ liên lạc/ Address:  Điện thoại/ Tel: | Đại chỉ liên lạc/ Address:  Điện thoại/ Tel: |
| Số chứng chỉ hành nghề chứng khoán/ Professional License for Securities Trading | Số chứng chỉ hành nghề chứng khoán/ Professional License for Securities Trading |
| 5. | Chuyển danh mục/ Change of brokers | |
|  | Công ty chứng khoán chuyển danh mục (chỉ áp dụng trong trường hợp tài khoản chuyển và nhận là của cùng một nhà đầu tư)/ Old Broker (applicable if accounts are of same investor)  Địa chỉ  Address | Công ty chứng khoán nhận danh mục(chỉ áp dụng trong trường hợp tài khoản chuyển và nhận là của cùng một nhà đầu tư)/ New Broker firm (applicable if accounts are of same investor  Địa chỉ  Address |
| Điện thoại  Tel/Fax | Điện thoại  Tel/Fax |
| Tài khoản của nhà đầu tư (tên nhà đầu tư)  Investor’s Name | Tài khoản của nhà đầu tư: (tên nhà đầu tư)  Investor’s Name |
| Số tài khoản chuyển:  Sending Securities Account No | Số tài khoản nhận:  Receiving Securities Account No |
| 6. | Những thay đổi khác so với khi đăng ký mã số giao dịch như địa vị pháp lý, mô hình tổ chức hoạt động, đại diện có thẩm quyền … (liệt kê chi tiết) phải báo cáo theo quy định.  Other changes compared to information previously filled in application form such asType of applicant, Authorized Representative as Chairman of the Board of Director, President or CEO (Please fill in relevant detailed information, as appropriate)… shall be reported by law. | |
| 7. | Thông tin về người liên lạc/ Contact person | |
|  | Họ tên người liên lạc/ Name of contact person  Địa chỉ/ Address:  Điện thoại/Tel:  Email: | |
|  | Cam kết: (có hiệu lực kể từ ngày ký)  Declaration: (effective from the date this registration from is signed)  1. Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên và nội dung của toàn bộ hồ sơ và các tài liệu kèm theo là hoàn toàn chính xác, trung thực.  I hereby certify that all the imformation above is correct, the attached documents and the contents therein are true and accurate.  2. Tôi xin cam kết sẽ tuân thủ pháp luật Việt Nam, không có các hành vi giao dịch trái luật làm ảnh hưởng tới sự công bằng và trật tự thị trường tài chính, thị trường chứng khoán của Việt Nam.  I hereby undertake to comply to the Vietnamese law and not knowingly to take such measures to threatening to the stability or order of the Vietnam’s financial/ securities market.  3. Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng và đầy đủ.  I hereby undertake to takefull responsibility for the truthfulness and accuracy of the contents of this document. | |
|  | Hồ sơ kèm theo  Attachments | |
|  | Nhà đầu tư:  Applicant: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Tên và chữ ký của đại diện có thẩm quyền  Name and Signature  of Authorized Signatory: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Chức danh  Title: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Ngày thực hiện  Execution Date: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | |

**Phụ lục 12/ Appendix 12**

**TÀI LIỆU NHẬN DIỆN NHÀ ĐẦU TƯ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên*

*thị trường chứng khoán Việt Nam)*

1. Tài liệu nhận diện nhà đầu tư nước ngoài:

(i) Đối với nhà đầu tư là tổ chức

- Bản sao hợp lệ giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (certificate for business registration) hoặc tài liệu tương đương do cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài cấp, xác nhận đã hoàn tất việc đăng ký kinh doanh; giấy phép thành lập tổ chức và chi nhánh tại Việt Nam (đối với chi nhánh của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam); hoặc

- Giấy đăng ký thuế của cơ quan thuế nước nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh; hoặc

- Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, hoặc tài liệu tương đương do cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài cấp (nếu có) hoặc xác nhận việc đăng ký thành lập.

Trường hợp là quỹ đầu cơ (hedge fund), tài liệu bắt buộc bổ sung bao gồm: điều lệ quỹ; hoặc tài liệu khác giải thích chi tiết về chiến lược đầu tư của quỹ.

Trường hợp theo quy định của pháp luật nước ngoài, cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài không cấp hoặc xác nhận việc lập quỹ, quỹ đầu tư nước ngoài có thể nộp một trong các tài liệu sau đây để thay thế:

- Tài liệu trích lục từ trang thông tin điện tử (website) của cơ quan quản lý có thẩm quyền ở nước ngoài; hoặc

- Điều lệ quỹ (the articles of incorporation, the fund charter), bản cáo bạch; hoặc

- Hợp đồng tín thác (trust deed/trust agreement/ fund contract); hoặc biên bản thỏa thuận góp vốn (memorandum for private placement, establishment contract); hoặc

- Giấy đăng ký thuế của cơ quan thuế của quốc gia nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh; hoặc

- Tài liệu khác theo hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Trường hợp quỹ đầu tư nước ngoài, tổ chức đầu tư nước ngoài được đăng ký nhiều mã số giao dịch chứng khoán (quỹ MIMF, quỹ/tổ chức đầu tư thuộc Chính phủ hoặc liên Chính phủ). Tài liệu bổ sung bao gồm:

Đối với quỹ MIMF: Điều lệ quỹ hoặc bản cáo bạch hoặc hợp đồng quản lý đầu tư (Investment management agreement) hoặc các văn bản tương đương (hợp đồng tín thác hoặc văn bản thành lập, tài liệu giới thiệu sản phẩm quỹ xác minh quỹ, tổ chức đầu tư được quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ khác nhau, kèm theo thông tin chi tiết về tên đầy đủ, tên viết tắt (nếu có), nơi thành lập của các công ty quản lý quỹ tham gia quản lý;

Đối với tổ chức đầu tư nước ngoàithuộc Chính phủ nước ngoài hoặc liên Chính phủ được đăng ký cho mỗi danh mục đầu tư một mã số giao dịch chứng khoán: Điều lệ hoặc bản cáo bạch hoặc các văn bản tương đương (hợp đồng tín thác hoặc văn bản thành lập, bản cáo bạch, tài liệu giới thiệu sản phẩm, quy định pháp lý, các tài liệu do Chính phủ ban hành quy định rõ tổ chức dự kiến đăng ký mã số giao dịch là tổ chức trực thuộc chính phủ, hoặc liên chính phủ và có nhiều danh mục tách biệt, độc lập; kèm theo thông tin về các chính phủ là thành viên tham gia tổ chức đầu tư nêu trên; tên đầy đủ, tên viết tắt, nơi thành lập của các công ty quản lý quỹ tham gia quản lý (nếu có);

(ii) Đối với tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán là bộ phận kinh doanh hạch toán độc lập với hội sở chính; hoặc công ty con thuộc sở hữu 100% vốn của tập đoàn kinh tế đa quốc gia đã được cấp mã số giao dịch chứng khoán; hoặc các quỹ, quỹ con (sub-fund) của cùng một quỹ (master fund, feeder fund); hoặc các danh mục đầu tư của cùng một quỹ hoặc của cùng một tổ chức nước ngoài đã được cấp mã số giao dịch chứng khoán (trong trường hợp quỹ, tổ chức nước ngoài được quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ - Multiple Investment Managers Fund hoặc các danh mục đầu tư của cùng một tổ chức nước ngoài thuộc Chính phủ nước ngoài hoặc liên Chính phủ);

- Tài liệu xác minh mối quan hệ giữa tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán và tổ chức đã được cấp mã số giao dịch chứng khoán, xác minh sự tách biệt, độc lập các danh mục đầu tư của cùng một tổ chức đầu tư, bao gồm Văn bản do cơ quan có thẩm quyền ở nước sở tại nơi tổ chức đó đăng ký cấp (nếu có) hoặc hợp đồng quản lý đầu tư hoặc bản cáo bạch hoặc các tài liệu khác chứng minh mối quan hệ nêu trên hoặc một trong tài liệu thay thế khác mà Trung tâm Lưu ký Chứng khoán xét thấy là cần thiết;

- Bản sao giấy đăng ký mã số giao dịch chứng khoán do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp trước đây;

Trường hợp các tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán/báo cáo thay đổi thông tin tại cùng thời điểm và có các tài liệu đi kèm giống nhau, tổ chức đầu tư nước ngoài chỉ cần nộp một bộ gốc các tài liệu đó.

(iii) Đối với công ty chứng khoán nước ngoài đã được cấp một mã số giao dịch chứng khoán và đề nghị cấp bổ sung thêm mã số giao dịch chứng khoán:

- Bản sao giấy đăng ký mã số giao dịch chứng khoán do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp trước đây.

2. Xác thực chữ ký của người có thẩm quyền

- Trường hợp tổ chức nước ngoài có con dấu riêng, thay bằng việc bổ sung hồ sơ chứng minh thẩm quyền của đại diện có thẩm quyền quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 2 Thông tư này, tổ chức đó chỉ cần sử dụng con dấu của mình cùng với chữ ký của đại diện có thẩm quyền tại hồ sơ xin cấp mã số giao dịch chứng khoán;

- Trường hợp có liên quan tới tài sản của khách hàng (nhà đầu tư nước ngoài) trong việc đóng tài khoản, chuyển khoản, tất toán tài khoản, thì Trung tâm Lưu ký Chứng khoán có thể xem xét yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài bổ sung văn bản chứng thực chữ ký của đại diện có thẩm quyền nhằm hạn chế rủi ro thất thoát tài sản của khách hàng.

- Trường hợp người ký báo cáo thay đổi thông tin là người đã ký trên hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán thì không cần tài liệu xác minh thẩm quyền của người ký.

3. Công chứng, chứng thực

Công chứng, chứng thực có thể được thực hiện theo một trong các cách sau:

- Đại diện của tổ chức đầu tư nước ngoài chứng thực tài liệu trước mặt công chứng viên. Sau đó công chứng viên xác nhận danh tính (tên) của đại diện có thẩm quyền này;

- Công chứng viên sao y tài liệu trực tiếp;

- Công chứng chứng thực theo các cách khác phù hợp với quy định pháp luật của nước ngoài.

1. Ghi rõ (Specify) [↑](#footnote-ref-2)
2. Đối với cá nhân: số Hộ chiếu còn hiệu lực/chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Đối với tổ chức: số Giấy phép thành lập pháp nhân nước nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh; Giấy phép thành lập tổ chức hoặc chi nhánh tại Việt Nam [↑](#footnote-ref-3)
3. Đối với cá nhân: số Hộ chiếu còn hiệu lực/chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Đối với tổ chức: số Giấy phép thành lập pháp nhân nước nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh; Giấy phép thành lập tổ chức hoặc chi nhánh tại Việt Nam [↑](#footnote-ref-4)
4. Đối với cá nhân: số Hộ chiếu còn hiệu lực/chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Đối với tổ chức: số Giấy phép thành lập pháp nhân nước nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh; Giấy phép thành lập tổ chức hoặc chi nhánh tại Việt Nam [↑](#footnote-ref-5)